

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay, phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn trong nước mà đã được tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kế toán là công cụ điều hành quản lý các hoạt động tính toán kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ tài sản, sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong công tác kế toán của doanh nghiệp chia ra làm nhiều khâu, nhiều phần hành nhưng giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ gắn bó thành một hệ thống quản lý thực sự có hiệu quả cao. Thông tin kế toán là những thông tin về tính hai mặt của mỗi hiện tượng mỗi quá trình: Vốn và nguồn vốn, tăng và giảm... Do đó, việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền là nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng cơ cấu vốn bằng tiền, về các nguồn thu và chỉ tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chỉ tiêu tương lai như thế nào. Bên cạnh nghiệp vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ, qua đó chúng ta biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

-Thực tế ở nước ta trong thời gian qua cho thấy ở các doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nói chung và vốn bằng tiền nói riêng là còn thấp, chưa khai thác hết hiệu quả và tiềm năng sử dụng chúng trong nền kinh tế thị trường để phục vụ cho sản xuất kinh doanh, công tác hạch toán bị buông lỏng kéo dài.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên và thông qua thời gian thực tập em xin chọn đề tài sau để đi sâu vào nghiên cứu và viết báo cáo khóa luận: ***”hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ Phần Việt Xô”***

Báo cáo gồm 3 phần:

Chương I: Một số vấn đề lý luận cơ bản về vốn bằng tiền.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ Phần Việt Xô.

Chương III: Một số kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ Phần Việt Xô.

CHƯƠNG I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

I. Tổng quan về vốn bằng tiền:

1.1 Khái niệm về kế toán vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền là toàn bộ các hình thức tiền tệ hiện thực đo đơn vị sở hữu, tồn tại dưới hình thức giá trị và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là một loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng có và sử dụng.

1.2 Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm các vật tư hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán và thu jòi các khoản nợ. Chính vì vậy quy mô của vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước. Chẳng hạn tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng cho chi tiêu không được vượt quá mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và ngân hàng đã thỏa thuận theo hợp đồng thương mại, khi có tiền thu bán hàng phải nộp ngay cho ngân hàng.

1.3 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:

Xuất phát từ những đặc điểm trên, hạch toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền.
- Giám đốc thường xuyên tình hình thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng.

- Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ với kế toán tiền mặt.

- Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời

1.4 Vai trò của công tác kế toán vốn bằng tiền:

- Nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng cơ cấu vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chỉ tiêu trong tương lai như thế nào.

- Bên cạnh nghiệp vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình luân chuyển tiền tệ, qua đó chúng ta biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

1.5 Nguyên tắc hạch toán kế toán vốn bằng tiền:

- Hạch toán kế toán phải sử dụng thống nhất một đơn vị giá trị là “Đồng Việt nam” để phản ánh tổng hợp các loại vốn bằng tiền

- Nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra “Đồng Việt Nam” theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng so Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ để ghi sổ kế toán. Đồng thời phải theo dõi nguyên tệ của các loại ngoại tệ đó.

- Hạch toán vàng, bạc, kim khí quý, đá quý ở tài khoản tiền mặt phải tính ra tiền theo giá thực tế và không áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho doanh nghiệp kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng và trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng loại từng thứ. Giá nhập vào trong kỳ được tính theo giá thực tế, còn giá xuất có thể được tính theo một trong các phương pháp sau:

+ Phương pháp giá thực tế bình quân gia quyền giữa giá đầu kỳ và giá các lần nhập trong kỳ

+ Phương pháp giá thực tế nhập trước, xuất trước

+ Phương pháp giá thực tế nhập sau, xuất trước

- Phải mở sổ chi tiết cho từng loại ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý theo dõi đối tượng, số lượng ... Cuối kỳ hạch toán phải điều chỉnh lại giá trị ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý theo giá vào thời điểm tính toán để có được giá trị thực tế và chính xác.

Nếu hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

II. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền

2.1 Kế toán tiền mặt .

2.1.1. Quy định kế toán tiền mặt.

- Chỉ hạch toán vào tài khoản 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc đá quý thực tế nhập quỹ.

- Các khoản tiền, vàng bạc, kim khí quý, đá quý do đơn vị, cá nhân khác ký cược, ký quỹ tại đơn vị thì quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

- Khi tiến hành nhập quỹ, xuất quỹ phải có phiếu thu, chi hoặc chứng từ nhập xuất vàng bạc, kim khí quý, đá quý và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép xuất, nhập quỹ theo quy định của chế độ chứng từ hạch toán.

- Kế toán quỹ tiền mặt chịu trách nhiệm mở sổ và giữ sổ quỹ, ghi chép theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, tính ra số tiền tồn quỹ ở mọi thời điểm. Riêng vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhận ký cược phải theo dõi riêng trên sổ hoặc trên một phần sổ.

- Thủ quỹ là người chịu trách nhiệm giữ gìn bảo quản và thực hiện các nghiệp vụ xuất, nhập tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý tại quỹ. Hàng ngày thủ quỹ phải thường xuyên kiểm kê số tiền tồn quỹ thực tế và tiến hành đối chiếu với số liệu trên sổ quỹ, sổ kế toán. Nếu có chênh lệch kế toán và

thủ quỹ phải tự kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch trên cơ sở báo cáo thừa hoặc thiếu hụt.

2.1.2 Kế toán tiền mặt tồn quỹ

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tồn quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: giấy bạc ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim khí quý, đá quý...

Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt của doanh nghiệp tập trung tại quỹ. Mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Pháp lệnh kế toán, thống kê nghiêm cấm thủ quỹ không được trực tiếp mua, bán hàng hóa, vật tư, kiêm nhiệm công việc tiếp liệu hoặc tiếp nhiệm công việc kế toán.

2.1.3 Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

Việc thu, chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu, chi. lệnh thu, chi này phải có chữ ký của giám đốc (hoặc người có ủy quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu, chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu, chi. Thủ quỹ sau khi nhận được phiếu thu, chi sẽ tiến hành thu hoặc chi theo những chứng từ đó. Sau khi đã thực hiện xong việc thu, chi thủ quỹ ký tên và đóng dấu “Đã thu tiền” hoặc “Đã chi tiền” trên các phiếu đó, đồng thời sử dụng phiếu thu và phiếu chi đó để ghi vào sổ quỹ tiền mặt kiêm báo cáo quỹ. Cuối ngày thủ quỹ kiểm tra lại tiền tại quỹ, đối chiếu với các báo cáo quỹ và nộp báo cáo quỹ cho kế toán.

Ngoài phiếu thu, phiếu chi là căn cứ để hạch toán vào tài khoản 111 “Tiền mặt” còn cần các chứng từ gốc liên quan khác kèm vào phiếu thu, phiếu chi như: giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, hóa đơn bán hàng, biên lai thu tiền...

Ta có phiếu thu, phiếu chi và sổ quỹ tiền mặt như sau:

Đơn vị:.....

Mẫu số: 01 - TT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ - BTC)

Ngày 20 tháng 3 năm 2006 của bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Quyển số: ...

Ngày...tháng...năm...

Số: ...

Nợ:...

Có:...

Họ tên người nộp tiền:

Địa chỉ:

Lý do thu:

Số tiền:

(Viết bằng chữ):

Chứng từ gốc kèm theo:.....Chứng từ gốc

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Người nộp tiền

Thủ quỹ

Báo cáo thực tập - Trường ĐHDL Hải Phòng

Đơn vị:.....

Mẫu số: 01 - TT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ - BTC)

Ngày 20 tháng 3 năm 2006 của bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Quyển số:...

Ngày...tháng...năm...

Số:...

Nợ:...

Có:...

Họ tên người nộp tiền:

Địa chỉ:

Lý do thu:

Số tiền:

(Viết bằng chữ):

Chứng từ gốc kèm theo:.....Chứng từ gốc

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Người nộp tiền

Thủ quỹ

Đơn vị:.....

Mẫu số: 01 - TT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ - BTC)

Ngày 20 tháng 3 năm 2006 của bộ trưởng BTC

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Ngày ...tháng ...năm...

Tài khoản 111 - tiền mặt

Ngày tháng	Số chứng từ		Diễn giải	Số hiệu	Số tiền		
	PT	PC			Thu	Chi	Tồn quỹ
			Dư nợ đầu tháng				
			Số phát sinh trong tháng				
						
			Tổng số phát sinh				
			Số dư cuối kỳ				

2.1.4 Tài khoản sử dụng.

Tài khoản sử dụng để hạch toán tiền mặt tại quỹ là tài khoản 111 “ Tiền mặt”. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này bao gồm:

Bên nợ:

+ Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ, nhập kho.

+ Số thừa quỹ phát hiện khi kiểm kê

+ Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng sau khi điều chỉnh

Bên có:

+ Các khoản tiền mặt ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn quỹ.

+ Số thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

+ Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm sau khi điều chỉnh

Dư nợ:

Các khoản tiền, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn quỹ.

Tài khoản 111 gồm 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1111 “ Tiền Việt Nam” phản ánh tình hình thu, chi, thừa thiếu tồn quỹ tiền Việt Nam, ngân phiếu tại doanh nghiệp

- Tài khoản 1112 “ Tiền ngoại tệ” phản ánh tình hình thu, chi, thừa thiếu tồn quỹ tiền Việt Nam, ngân phiếu tại doanh nghiệp quy đổi ra đồng Việt Nam

- Tài khoản 1113 “vàng, bạc, kim khí quý, đá quý” phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, thừa, thiếu, tồn quỹ theo giá mua thực tế.

Cơ sở để ghi nợ TK 111 là các phiếu thu còn cơ sở để ghi có TK 111 là các phiếu chi.

2.1.5. Phương pháp hạch toán tiền mặt

2.1.5.1. Kế toán tiền mặt tồn quỹ là tiền Việt Nam.

a) Các nghiệp vụ tăng:

Nợ TK 111 (1111): Số tiền nhập quỹ

Có TK 511: Thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa, lao động dịch vụ

Có TK 515: Thu tiền từ hoạt động tài chính

Có TK 112: Rút tiền gửi ngân hàng

Có TK 131, 136, 138: Thu hồi các khoản nợ phải thu

Có TK 144, 244: Thu hồi các khoản ký quỹ, ký cược bằng tiền mặt

Có TK 121, 128, 221, 222, 223, 228: Thu hồi các khoản vốn đầu tư

Có TK 311, 341: Vay ngắn hạn, vay dài hạn

Có TK 411, 441: Nhận góp vốn, vốn cấp bằng tiền mặt

Có TK 3331: Thuế GTGT đầu ra

.....
b) Các nghiệp vụ giảm:

Nợ TK 112: Tiền gửi vào tài khoản tại ngân hàng

Nợ TK 141, 144, 244: Chi tạm ứng, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Nợ TK 121, 128, 221, 222, 223, 228: Đầu tư ngắn hạn, dài hạn bằng tiền mặt

Nợ TK 152, 153, 156, 157, 221, 213: Mua vật tư hàng hóa, công cụ, TSCĐ

...

Nợ TK 611: Mua hàng hóa, vật tư nhập kho (Theo phương pháp kê khai thường xuyên)

Nợ TK 311, 315, 331, 334, 336, 338: Thanh toán nợ bằng tiền mặt

Nợ TK 627, 641, 642: Chi phí phát sinh bằng tiền mặt

Nợ TK 333, 334: Nộp thuế, thanh toán lương.

Nợ TK 1331: Thuế GTGT đầu vào

.....

Có TK 111 (1111) Số tiền thực xuất quỹ

2.1.5.2. Kế toán tiền mặt tồn quỹ là ngoại tệ

Đối với ngoại tệ, ngoài quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi nguyên tệ trên tài khoản 007 - “Ngoại tệ các loại”. Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

- Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hóa, tài sản cố định ... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413 “Chênh lệch tỷ giá” .

- Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413 “Chênh lệch tỷ giá”

Kết cấu tài khoản 007: Nguyên tệ các loại

Bên nợ : Ngoại tệ tăng trong kỳ

Bên có : Ngoại tệ giảm trong kỳ

Dư nợ : Ngoại tệ hiện có

Kết cấu tài khoản 413: Chênh lệch tỷ giá

Bên nợ:

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hóa, nợ phải thu có gốc ngoại tệ

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá

Bên có:

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hóa, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá

Tài khoản này có thể dư Có hoặc dư Nợ

Dư Nợ: Chênh lệch giá cần phải được xử lý

Dư Có: Chênh lệch tỷ giá còn lại

Số chênh lệch tỷ giá trên tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá, chỉ được xử lý (ghi rõ tăng hoặc giảm vốn kinh doanh, hạch toán vào lãi hoặc lỗ) khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền .

Riêng đối với đơn vị chuyên kinh doanh mua bán ngoại tệ thì các nghiệp vụ mua bán ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế phát sinh . Chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá bán ra của ngoại tệ được hạch toán vào tài khoản 515 - “Doanh thu hoạt động tài chính” hoặc tài khoản 635 – “Chi phí hoạt động tài chính”.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ngoại tệ:

- *Các loại tỷ giá:*

+ Tỷ giá thực tế: là tỷ giá ngoại tệ được xác định theo các căn cứ có tính chất khách quan như giá mua, tỷ giá do ngân hàng công bố.

+ Tỷ giá hạch toán: là tỷ giá ổn định trong một thời kỳ hạch toán, thường được xác định bằng tỷ giá thực tế lúc đầu.

+ Cách xác định tỷ giá thực tế nhập xuất quỹ như sau:

+ Tỷ giá thực tế nhập quỹ ghi theo giá mua thực tế hoặc theo tỷ giá do ngân hàng công bố tại thời điểm nhập quỹ hoặc theo tỷ giá thực tế khi khách hàng chấp nhận nợ bằng ngoại tệ.

+ Tỷ giá thực tế nhập quỹ ghi theo nhiều phương pháp khác nhau như nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, tỷ giá bình quân, tỷ giá hiện tại. ...

+ Tỷ giá các khoản công nợ bằng ngoại tệ được tính bằng tỷ giá thực tế tại thời điểm ghi nhận nợ.

+ Tỷ giá các loại ngoại tệ đã hình thành tài sản được tính theo tỷ giá thực tế tại thời điểm ghi tăng tài sản (nhập tài sản vào doanh nghiệp).

Trình tự hạch toán

a) *Trường hợp doanh nghiệp có sử dụng tỷ giá hạch toán:*

- Khi mua ngoại tệ thanh toán bằng đồng Việt Nam:

Nợ TK 1112: Ghi theo tỷ giá hạch toán

Có TK 1111, 331, 311: Ghi theo tỷ giá thực tế

Có TK 1331: Thuế GTGT đầu vào

Nợ (Có) TK 413: Chênh lệch tỷ giá (Nếu có)

Đồng thời ghi đơn: Nợ TK 007 – Lượng nguyên tệ mua vào.

- Bán hàng thu ngay tiền bằng ngoại tệ:

Nợ TK 1112: Ghi theo tỷ giá hạch toán

Có TK 511: Ghi theo tỷ giá thực tế

Có TK 3331: Thuế GTGT đầu ra

Nợ (Có) TK 413: Chênh lệch tỷ giá (Nếu có)

Đồng thời ghi đơn: Nợ TK 007 – Lượng nguyên tệ mua vào.

- Thu các khoản nợ của khách hàng bằng ngoại tệ:

Nợ TK 1112: Ghi theo tỷ giá hạch toán

Có TK 131: Ghi theo tỷ giá thực tế

Nợ (Có) TK 413: Chênh lệch tỷ giá (Nếu có)

Đồng thời ghi đơn: Nợ TK 007 – Lượng nguyên tệ mua vào.

- Bán ngoại tệ thu tiền Việt Nam

Nợ TK 1111: Giáo bán thực tế

Có TK 1112: Tỷ giá hạch toán

Nợ (Có) TK 413: Chênh lệch tỷ giá (Nếu có)

Đồng thời ghi đơn: Nợ TK 007 – Lượng nguyên tệ mua vào.

- Mua vật tư hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ thanh toán bằng ngoại tệ

Nợ TK 211,214,151,153,627,641,642: Tỷ giá thực tế

Nợ TK 1331:Thuế GTGT đầu vào

Có TK 1112: Tỷ giá hạch toán

Nợ (Có) TK 413: Chênh lệch tỷ giá (Nếu có)

Đồng thời ghi đơn: Nợ TK 007 – Lượng nguyên tệ chi ra

- Trả nợ nhà cung cấp bằng ngoại tệ:

Nợ TK 311: Tỷ giá hạch toán

Có TK 1112: Tỷ giá thực tế

Nợ (Có) TK 413: Chênh lệch tỷ giá (Nếu có)

Đồng thời ghi đơn: Nợ TK 007 – Lượng nguyên tệ chi ra

- Điều chỉnh tỷ giá hạch toán theo tỷ giá thực tế lúc cuối kỳ.

Khi chuẩn bị thực hiện điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ, doanh nghiệp phải tiến hành kiểm kê ngoại tệ tại quỹ, gửi ngân hàng ...đồng thời dựa vào mức chênh lệch tỷ giá ngoại tệ thực tế và hạch toán để xác định mức điều chỉnh.

nếu tỷ giá thực tế cuối kỳ tăng lên so với tỷ giá hạch toán thì phần chênh lệch do tỷ giá tăng kế toán ghi:

Nợ TK 1112: Chênh lệch tỷ giá

Có TK 413

Nếu tỷ giá thực tế cuối kỳ giảm so với tỷ giá hạch toán thì phần chênh lệch do tỷ giá giảm kế toán ghi ngược lại:

Nợ TK 413: Chênh lệch tỷ giá

b) *Trường hợp doanh nghiệp không sử dụng tỷ giá hạch toán.*

- Mua ngoại tệ trả bằng tiền Việt Nam:

Nợ TK 1112: Giá mua thực tế

Có TK 1111: Giá mua thực tế

Đồng thời ghi: Nợ TK 007 - Lợng nguyên tệ nhập quỹ

- Thu tiền bán hàng bằng ngoại tệ:

Nợ TK 1112: Tỷ giá thực tế

Có TK 511: Tỷ giá thực tế

- Thu các khoản nợ phải thu bằng ngoại tệ nhập quỹ

Nợ TK 1112: Tỷ giá thực tế

Có TK 131: Tỷ giá bình quân thực tế nợ

Nợ (Có) TK 413: Chênh lệch tỷ giá (Nếu có)

Đồng thời ghi: Nợ TK 007 - Lợng nguyên tệ nhập quỹ

- Xuất ngoại tệ mua vật tư hàng hóa, TSCĐ, cđi trả các khoản chi phí:

Nợ TK 152,152,156,211,611,627,641,642....: Tỷ giá thực tế

Nợ TK 1331:Thuế GTGT đầu vào

Có TK 1112: Tỷ giá bình quân thực tế

Nợ (Có) TK 413: Chênh lệch tỷ giá (Nếu có)

Đồng thời ghi: Nợ TK 007 - Lợng nguyên tệ xuất quỹ

- Xuất ngoại tệ trả nợ người bán

Nợ TK 331: Tỷ giá ghi nhận nợ

Có TK 1112: Tỷ giá bình quân thực tế

Nợ (Có) TK 413: Chênh lệch tỷ giá (Nếu có)

Đồng thời ghi: Nợ TK 007 - Lợng nguyên tệ xuất quỹ

Đến cuối kỳ, năm nếu có biến động lớn về tỷ giá thì phải đánh giá lại số ngoại tệ hiện có tại quỹ theo tỷ giá thực tế tại thời điểm cuối kỳ, cuối năm:

+ Nếu chênh lệch giảm:

Nợ TK 413: Chênh lệch tỷ giá

Có TK 1112

+ Nếu chênh lệch tăng:

Nợ TK 1112:

Có TK 413: Chênh lệch tỷ giá

2.1.5.3. Kế toán tiền mặt tồn quỹ là vàng, bạc, đá quý.

Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở TK tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán được hạch toán như ngoại tệ.

Các nghiệp vụ tăng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý ghi:

Nợ TK 1113: Giá thực tế tăng

Có TK 1111, 1121: Số tiền chi mua thực tế

Có TK 511: Doanh thu bán hàng (Thu bằng vàng, bạc...)

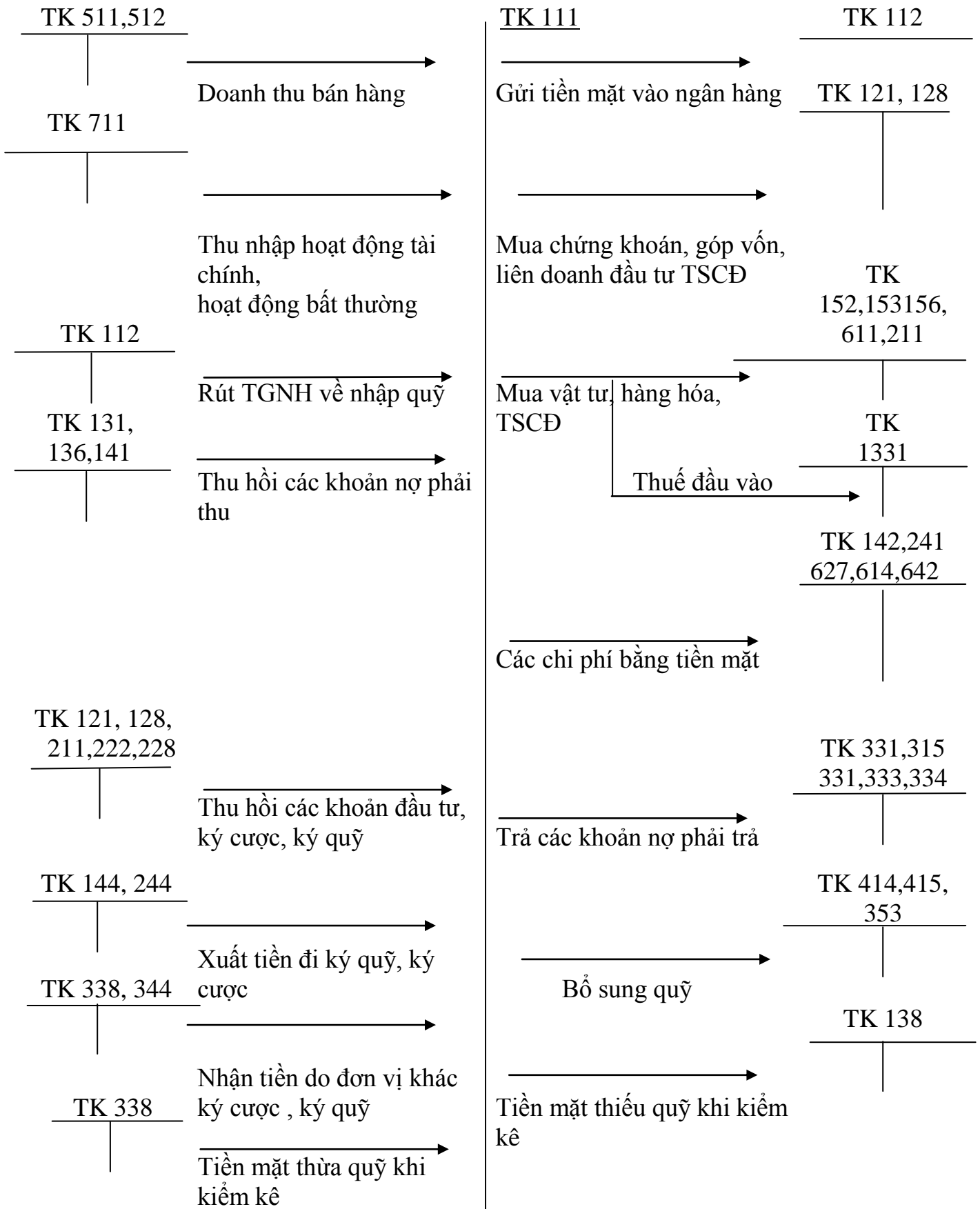
Có TK 138,144: Thu hồi các khoản cho vay, các khoản thế chấp, ký cược, ký quỹ.

Có TK 411: Nhận góp vốn, cấp phát bằng vàng, bạc...

Các nghiệp vụ giảm vàng, bạc, kim khí quý, đá quý ghi theo bút toán ngược lại.

2.1.5.4. Sơ đồ hạch toán tổng hợp tiền mặt

SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN TỔNG HỢP TIỀN MẶT



2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa các doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua ngân hàng đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số tiền được giữ lại tại quỹ tiền mặt (theo thỏa thuận của doanh nghiệp với ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản của ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại ngân hàng bao gồm: tiền Việt nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

2.2.1. Quy định về kế toán tiền gửi ngân hàng

- Khi phát sinh các chứng từ tài khoản tiền gửi ngân hàng, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

- Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu các chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có số liệu chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đến cuối kỳ vẫn chưa xác định được rõ nguyên nhân thì kế toán phải ghi sổ theo giấy báo hay bản sao kê của ngân hàng. Số chênh lệch được ghi vào các tài khoản chờ xử lý (TK 1381 – “Tài khoản thiếu chờ xử lý”, TK 3381 – “Tài sản thừa chờ giải quyết”). Sang kỳ sau phải tiếp tục kiểm tra đối chiếu tìm nguyên nhân chênh lệch và điều chỉnh lại số liệu đã ghi trên sổ.

- Trường hợp doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi ngân hàng ở nhiều ngân hàng thì kế toán phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện chi việc kiểm tra đối chiếu.

- Tại những đơn vị có bộ phận phụ thuộc cần mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết để giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng từng loại tiền gửi nói trên.

2.2.2. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền gửi ngân hàng

- Các giấy báo Có, báo Nợ, bản kê sao của ngân hàng
- Các chứng từ khác: Séc chuyên khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

2.2.3. Tài khoản sử dụng để hạch toán tiền gửi ngân hàng

Hạch toán tiền gửi ngân hàng (TGNH) được thực hiện trên tài khoản 112 – “Tiền gửi ngân hàng”. Kết cấu và nội dung của tài khoản này như sau:

Bên Nợ : Các khoản tiền gửi vào ngân hàng

Bên Có : Các khoản tiền rút ra từ ngân hàng

Dư Nợ Số tiền gửi tại ngân hàng

Tài khoản 112 có 3 tài khoản cấp hai:

+ Tài khoản 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh khoản tiền Việt Nam đang gửi tại ngân hàng

+ Tài khoản 1122 - Ngoại tệ: Phản ánh khoản ngoại tệ đang gửi tại ngân hàng đã quy đổi ra đồng Việt Nam

+ Tài khoản 1123 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý đang gửi tại ngân hàng

2.2.4. Trình tự hạch toán tiền gửi ngân hàng.

2.2.4.1. Kế toán tiền gửi ngân hàng là đồng Việt Nam

Hạch toán tương tự như đối với tài khoản 1111 - Tiền Việt Nam. Đồng thời cần lưu ý một số nghiệp vụ sau:

- Số lợi tức được hưởng:

Nợ TK 111,112: Nếu thu tiền ngay

Nợ TK 138: Nếu chưa thu được tiền

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

- Số chênh lệch số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp với số liệu của ngân hàng vào cuối tháng chưa rõ nguyên nhân:

+ Trường hợp số liệu của ngân hàng lớn hơn trên sổ của doanh nghiệp:

Nợ TK 112: Số tiền chênh lệch

Có TK 3388: Số tiền chênh lệch

Sang tháng sau, khi xác định được nguyên nhân sẽ ghi sổ theo từng trường hợp:

Nợ TK 3388: Số tiền chênh lệch

Có TK 112: Nếu ngân hàng ghi nhầm lẫn

Có TK 511: Nếu doanh nghiệp ghi nhầm lẫn

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711: Thu nhập khác

+ Trường hợp số liệu của Ngân hàng nhỏ hơn số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp

Nợ TK 1388: Phải thu khác

Có TK 112: TGNH sang tháng sau khi xác định được nguyên nhân ghi:

Nợ TK 112: Nếu ngân hàng ghi thiếu

Nợ TK 511,635,811: Nếu doanh nghiệp ghi thừa

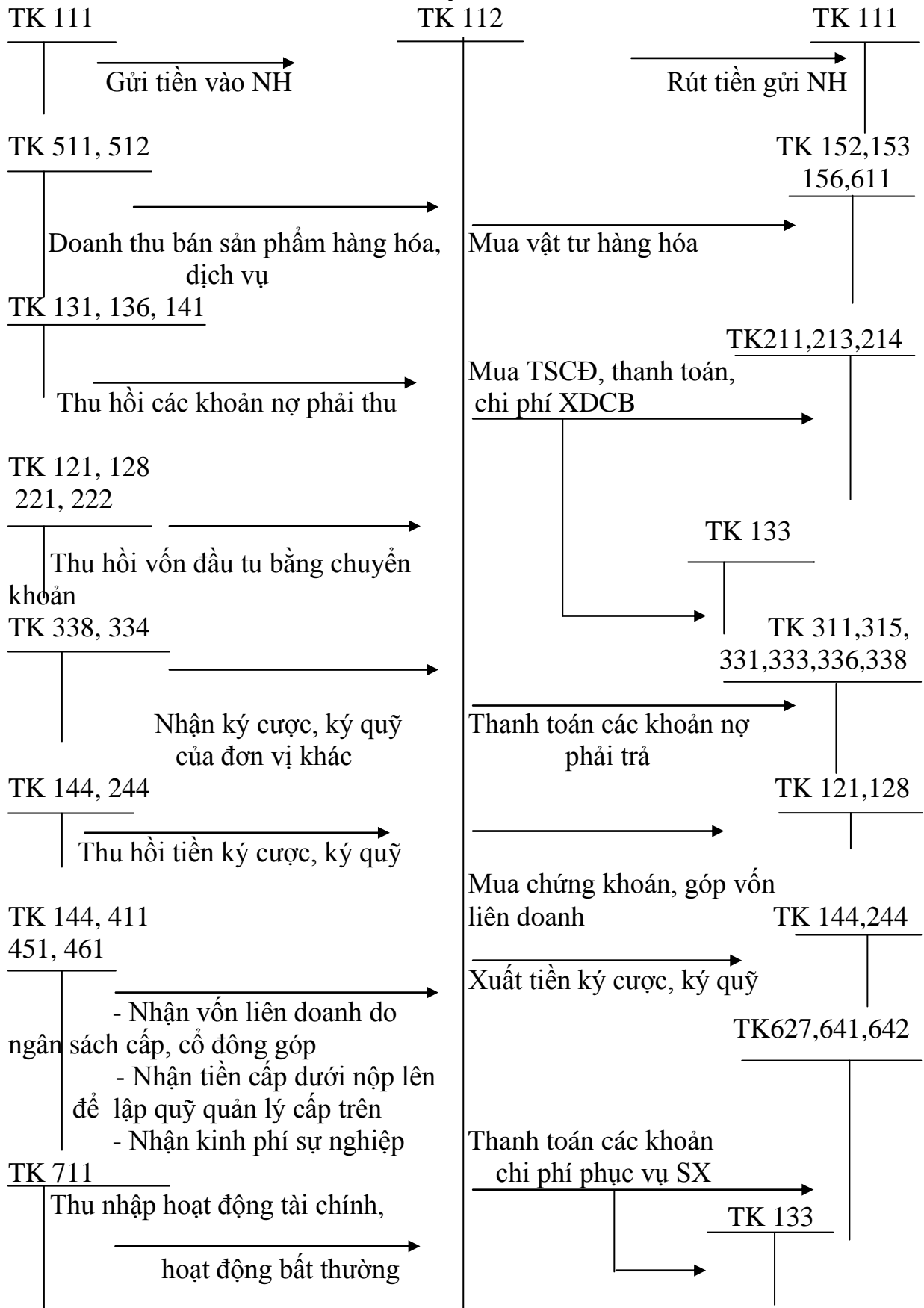
Có TK 1388: Số thừa đã xử lý.

2.2.4.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ.

Việc thực hiện quy đổi từ ngoại tệ tại ngân hàng sang đồng Việt Nam được thực hiện tương tự như đồng ngoại tệ tại quỹ tại cơ quan.

2.2.4.3. Sơ đồ kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng

SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN



2.3. Kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc gửi vào bưu điện để chuyển vào ngân hàng hay đã làm, thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng.

Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho ngân hàng
- Chuyển tiền qua bưu điện trả cho các đơn vị khác
- Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay cho kho bạc (giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và kho bạc Nhà nước)
- Tiền doanh nghiệp đã lưu ý cho các hình thức thanh toán séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền.

2.3.1. Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như: séc các loại, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu

2.3.2. Tài khoản chung

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên tài khoản 113 –“Tiền đang chuyển”. Nội dung và kết cấu của tài khoản này:

Bên Nợ : Tiền đang chuyển tăng trong kỳ.

Bên Có : Tiền đang chuyển giảm trong kỳ.

Dư Nợ : Các khoản tiền còn đang chuyển

Tài khoản 113 có hai tài khoản cấp hai:

TK 1131 –“Tiền Việt Nam”: Phản ánh tiền đang chuyển bằng tiền Việt Nam

TK 1132 –“Ngoại tệ”: Phản ánh tiền đang chuyển bằng ngoại tệ

2.3.3. Trình tự hạch toán

- Thu tiền bán hàng, thu nợ khách hàng bằng tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào ngân hàng (không qua quỹ) ghi:

Nợ TK 113: Tiền đang chuyển

Có TK 511: Doanh thu bán hàng

Có TK 131: Phải thu khách hàng

- Xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng (đến cuối tháng):

Nợ TK 113: Tiền đang chuyển

Có TK 111: Tiền mặt

- Làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản ở ngân hàng để trả cho chủ nợ, cuối tháng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng

Nợ TK 113: Tiền đang chuyển

Có TK 112: TGNH

- Khách hàng ứng trước tiền mua hàng bằng séc, doanh nghiệp đã nộp séc vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có:

Nợ TK 113: Tiền đang chuyển

Có TK 131: Phải thu khách hàng

- Ngân hàng báo trước các khoản tiền đang chuyển đã vào tài khoản của đơn vị:

Nợ TK 112:TGNH

Có TK 113: Tiền đang chuyển

- Ngân hàng báo về số tiền đã chuyển cho người bán, người cung cấp dịch vụ, người cho vay

Nợ TK 331: Phải trả cho người bán

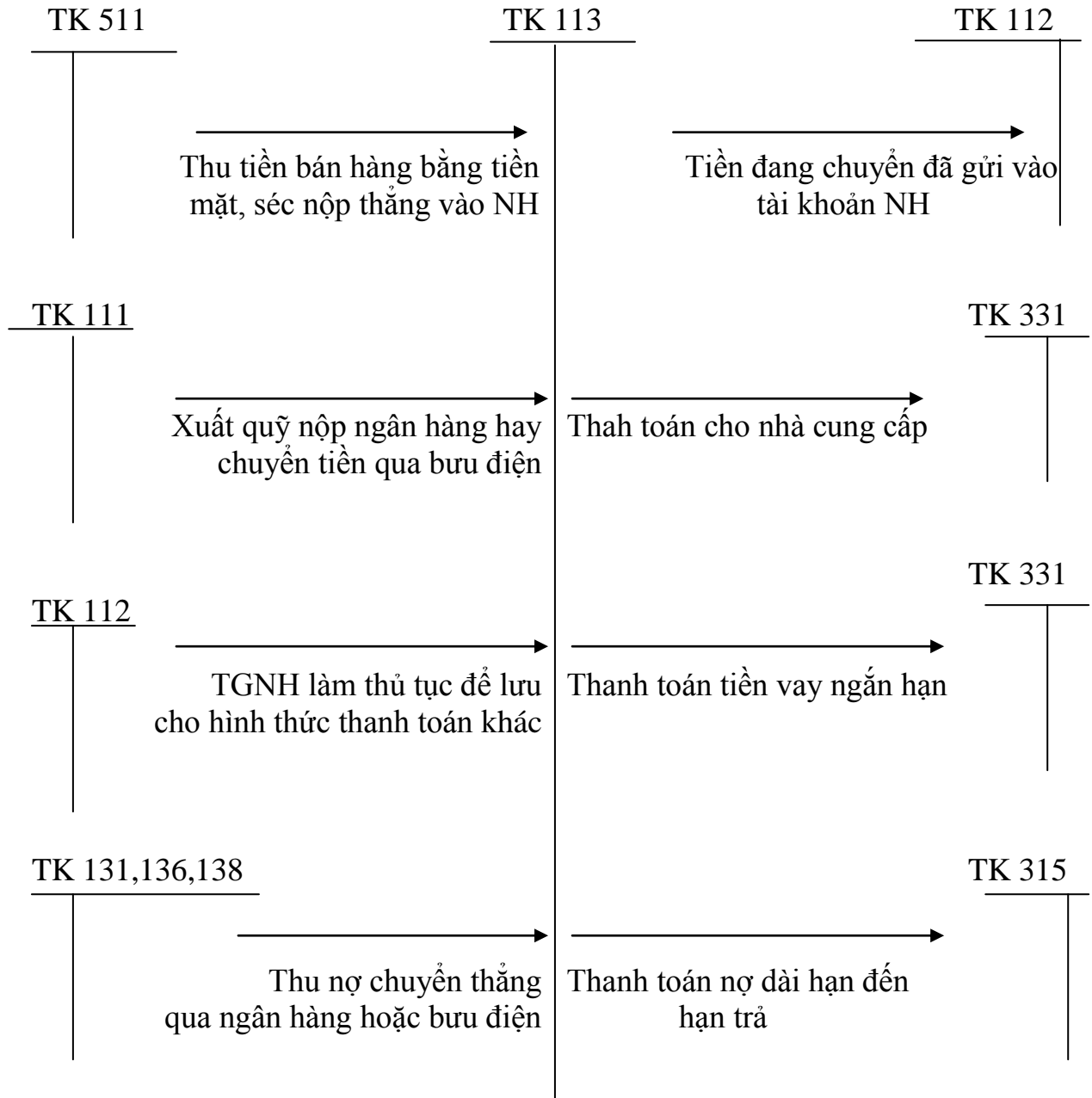
Nợ TK 331: Vay ngắn hạn

Nợ TK 315: Vay dài hạn đến hạn

Có TK 113: Tiền đang chuyển

2.3.4. Sơ đồ kế toán tổng hợp tiền đang chuyển

SƠ ĐỒ TỔNG QUÁT KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN



CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN MẶT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

I. Đặc điểm tình hình chung về công ty Cổ Phần Việt Xô

1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Việt Xô

1.1-Tên công ty- trụ sở

Tên công ty : Công ty cổ phần Việt Xô

Tên giao dịch : *Vietxo joint stock company*

Tên viết tắt: Vietxoco

Trực thuộc : Công ty XNK Rau quả I Hà Nội

1.2-Trụ sở : Số 1 Bến Bính-Phường Minh Khai- Quận Hồng Bàng -Thành phố Hải Phòng.

ĐT : 031 3842 246; 031 3841 073

Fax : 031 3842 246

Nhà máy lạnh hữu nghị Việt Xô được xây dựng và đi vào sản xuất từ năm 1975. Nhiệm vụ chủ yếu là kho đông lạnh thực phẩm và làm mát rau quả phục vụ xuất khẩu của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Công ty Cổ phần Việt Xô là một doanh nghiệp được hình thành từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước Nhà máy lạnh hữu nghị Việt Xô thuộc công ty XNK Rau quả I Hà Nội theo Quyết định số 3813/QĐ/BNN-TCCB của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ngày 1/1/2003

Vốn điều lệ được các cổ đông đóng góp bằng tiền Việt Nam tại thời điểm hiện nay là 3.600.000.000đồng (ba tỷ sáu trăm triệu đồng).

Trong đó

Tài sản cố định : 1.072.671.056.

Tài sản lưu động: 2.527.328.944

Cơ cấu vốn theo sở hữu:

Vốn sở hữu thuộc công ty cổ phần XNK Rau quả 1 là 1.200.000.000 đồng chiếm 33,33%

Vốn sở hữu của các cổ đông là: 2.400.000.000 đồng, chiếm 66,67%

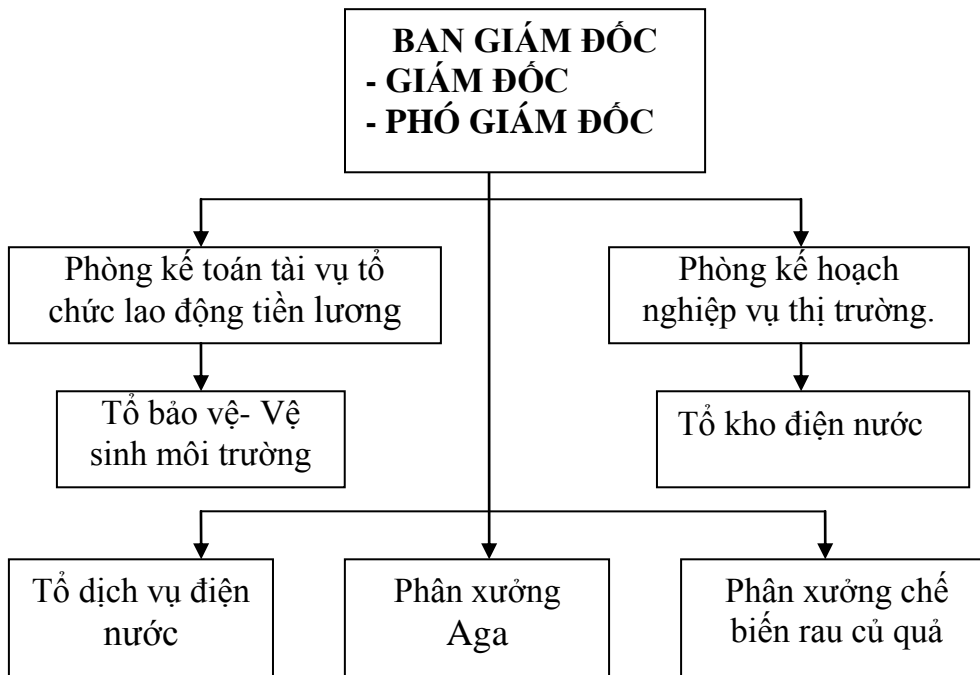
2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty Cổ phần Việt Xô

Từ ngày chuyển sang công ty cổ phần Việt Xô đến nay công ty sản xuất kinh doanh các mặt hàng sau:

- Chế biến lương thực thực phẩm, nông sản, súc sản, lâm sản(trừ mặt hàng nhà nước cấm).
- Sản xuất nước uống có cồn và không có cồn.
- Kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu hàng hoá của doanh nghiệp sản xuất và chế biến hoặc phục vụ cho sản xuất và chế biến của doanh nghiệp.
- Kinh doanh kho lạnh kho mát, kho thường.
- Kinh doanh vận tải.
- Kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà làm việc, nhà hàng khách sạn dịch vụ du lịch.
- Dịch vụ tiếp nhận hàng hóa qua kho cảng.
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa thiết bị lạnh.

3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ phần Việt Xô.

Sơ đồ 1.1: Bộ máy quản lý Công ty cổ phần Việt Xô



***Nhiệm vụ của từng phòng ban**

1. Ban giám đốc

Quản lý toàn bộ mọi hoạt động của công ty, soạn thảo công bố chính sách, chiến lược, chịu trách nhiệm cao nhất đối với chất lượng sản phẩm, phân công trách nhiệm quyền hạn cho các cán bộ lãnh đạo từ cấp trưởng phòng trở lên, sắp xếp, bố trí cán bộ, tổ chức sản xuất theo yêu cầu của hệ thống chất lượng. Tổ chức chỉ đạo, phê duyệt các báo cáo, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

2. Phòng kế toán - tổ chức lao động - tiền lương.

- Tập hợp các chứng từ phát sinh để vào sổ kế toán kịp thời, chính xác đúng quy định hiện hành. Từ đó tham mưu cho giám đốc trong hoạt động kinh doanh của công ty, đảm bảo đúng chế độ.

- Quản lý công tác tài chính, theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dưới hình thức tiền tệ, mua sắm vật tư, thiết bị, tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm, xác định kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Báo cáo quyết toán tài chính quý, năm trình giám đốc phê duyệt và báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan.

- Thực hiện chi trả các khoản lương và các chính sách khác đến tay người lao động.

- Bảo vệ + an toàn lao động.

- Vệ sinh môi trường, cảnh quan.

3. Phòng kế hoạch - nghiệp vụ - thị trường.

- Có nhiệm vụ tìm kiếm thị trường tiêu thụ, tìm kiếm khách hàng, xây dựng các hồ sơ dự thầu, đấu thầu, lập kế hoạch tiêu thụ sản phẩm và các kế hoạch khác.

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh sản xuất kinh doanh dài hạn, ngắn hạn, trung hạn, ý kết các hợp đồng kinh tế, tổ chức theo dõi quá trình thi công trên các công trình.- Quản lý hệ thống kho tàng vật tư hàng hoá và sản phẩm của công ty, quản lý thiết bị sản xuất, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Kinh doanh và phát triển thị trường.- Đề ra tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, vệ sinh công nghiệp và PCCC.

- Xây dựng cơ bản.

4. Tổ dịch vụ điện nước

- Xây dựng kế hoạch chủ động tìm việc dịch vụ lắp đặt, sửa chữa cơ điện lạnh ngoài công ty và hỗ trợ cơ điện lạnh của công ty.

5. Phân xưởng Aga, phân xưởng chế biến rau củ quả.

- Lập kế hoạch sản xuất quý, năm của công ty.

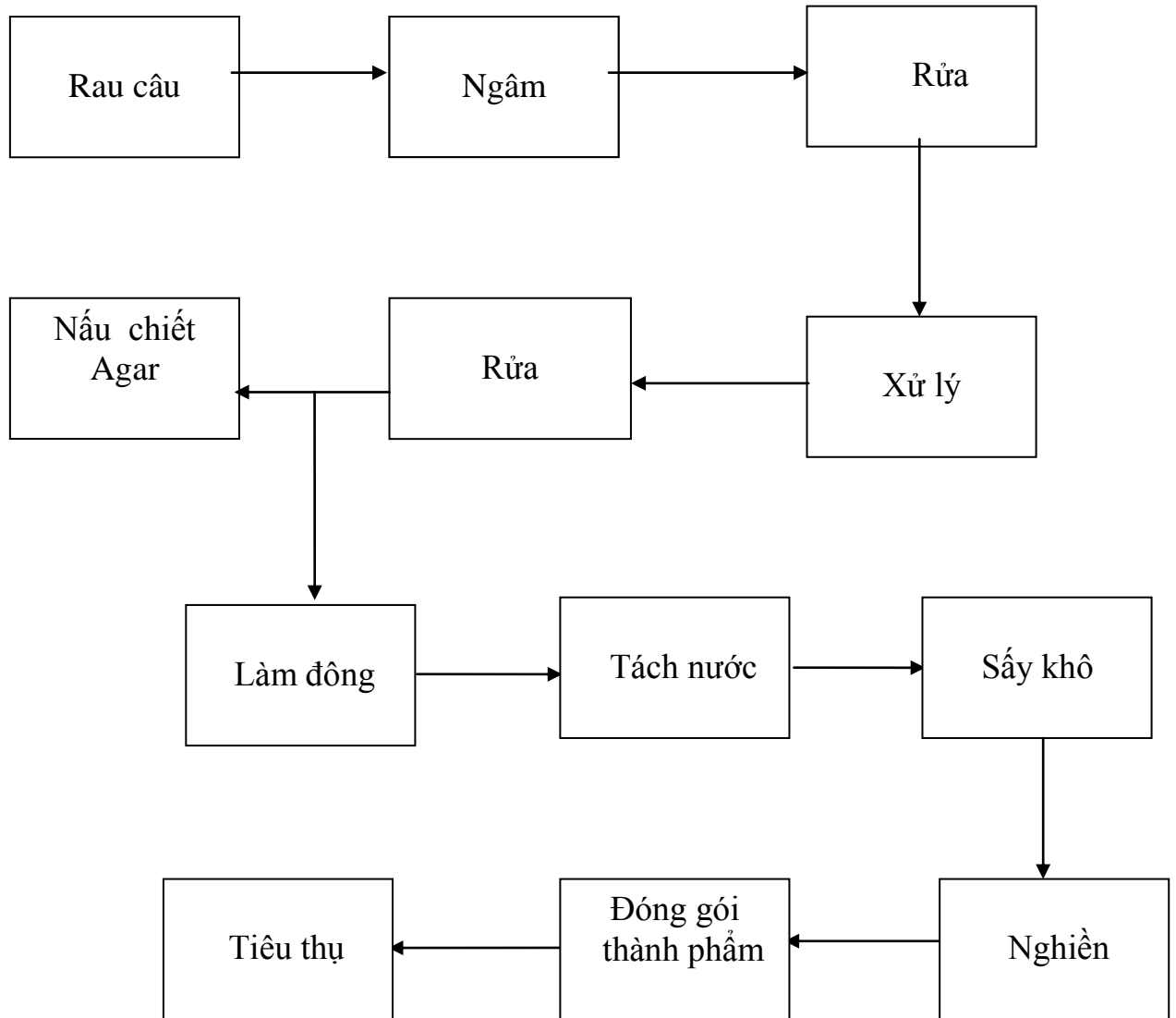
- Hợp tác cùng các phòng quản lí chủ động nhân lực, vật tư, nguyên vật liệu, thị trường.

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm , an toàn

4. Quy trình sản xuất sản phẩm chính của công ty cổ phần Việt Xô

Hiện nay, mặt hàng kinh doanh chủ yếu của công ty là Aga bột và dưa chuột bao tử dầm dầm đóng lọ.

Sơ đồ 1.2. Quy trình công nghệ sản xuất Agar



Thành phẩm khi nhập kho là đã được sự kiểm định chặt chẽ của cán bộ kỹ thuật phòng KCS. Phiếu kiểm định chất lượng hàng sẽ được lập trước khi cho nhập kho thành phẩm.

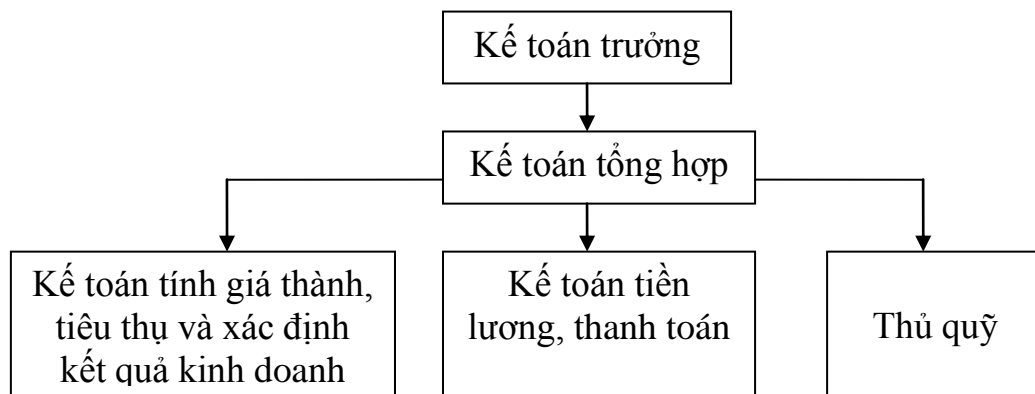
Khi khách hàng có nhu cầu mua aga, cán bộ vật tư sẽ tiến hành ghi phiếu xuất và phòng kế toán xuất hoá đơn GTGT. Các chứng từ kèm theo hàng hoá gồm phiếu xuất kho có đầy đủ chữ ký của các thành phần như thủ kho, người giao hàng,

phụ trách cung tiêu, giám đốc, hoá đơn GTGT, phiếu kiểm định chất lượng. Sau khi hàng đã đến tay người mau lái xe sẽ phải thông báo với phòng kế toán để ghi vào chứng từ ghi sổ(Bảng số 7) Và đồng thời theo dõi tài khoản tiền gửi ngân hàng.

5.Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán tại công ty cổ phần Việt Xô.

***Đặc điểm bộ máy kế toán**

Sơ đồ 1.3 : Bộ máy kế toán của công ty.



Bộ máy kế toán của công ty gồm có 4 người: 1 kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp và 3 kế toán viên.

1. Kế toán trưởng (Trưởng phòng tài chính kế toán):

Là người điều hành bộ máy kế toán của công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc về kế toán tài chính của đơn vị, có nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra công tác kế toán của từng nhân viên, duyệt các chứng từ mua bán, chứng từ thu chi phát sinh. Chỉ đạo tất cả các bộ phận kế toán về mặt nghiệp vụ từ việc chi chép ban đầu đến việc sử dụng sổ sách kế toán do bộ tài chính ban hành, quy định mối quan hệ phân công công tác trong bộ máy kế toán.

Tổng hợp các số liệu kế toán trên cơ sở sổ sách do kế toán viên cung cấp và tiến hành lập báo cáo quyết toán, trực tiếp thông báo, cung cấp thông tin nhằm tư vấn cho giám đốc Công ty về vấn đề tài chính, kế toán của công ty.

2.Kế toán lương và thanh toán

Căn cứ vào bảng chấm công của các phòng và căn cứ vào định mức hệ số lương của các cán bộ công nhân viên để tính toán tiền lương.

Thanh toán các khoản lương phụ cấp, cho cán bộ CNV, trích trả các khoản BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn của công nhân theo chế độ.

3. Kế toán tính giá thành tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh:

Phản ánh nhập-xuất-tồn kho nguyên vật liệu, tập hợp các chi phí phát sinh trong kỳ tính toán phân bổ các chi phí hợp lý phục vụ cho tính giá thành sản phẩm.

Dựa trên thông báo về bán hàng do nhân viên bán hàng gửi lên, kế toán tiến hành vào sổ và theo dõi trên sổ kế toán liên quan đến bán hàng. Theo dõi phản ánh chính xác kịp thời tình hình tiêu thụ thành phẩm, thực hiện đúng đủ các nghiệp vụ kế toán về tiêu thụ thành phẩm, lập báo cáo tiêu thụ, báo cáo kết quả kinh doanh.

4. Thủ quỹ:

Theo dõi phản ánh chính xác, đầy đủ kịp thời số kiệu có tình hình biến động quỹ tiền mặt tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ vào các chứng từ gốc để vào sổ tiền mặt theo dõi thu chi phản ánh kịp thời, chính xác lượng tiền mặt hiện có trong công ty.

Nhiệm vụ cấp phát tiền cân đối quỹ.

5. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Việt Xô.

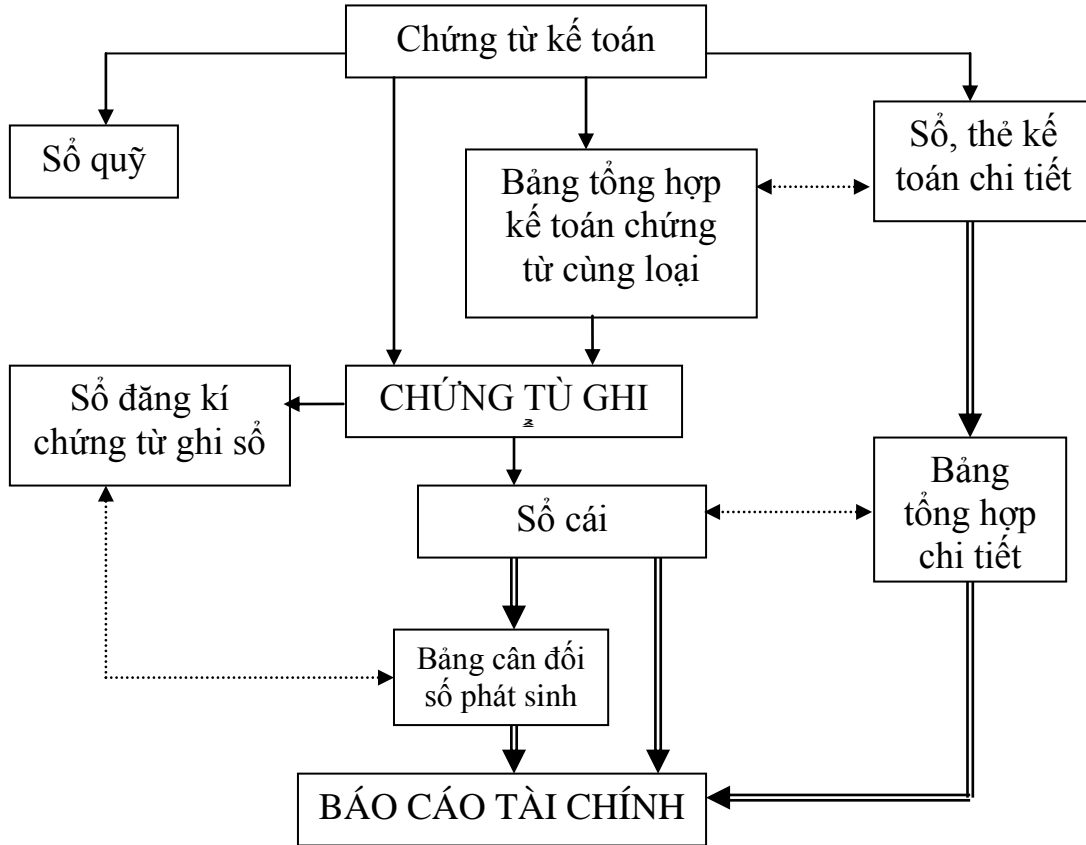
Để phù hợp với đặc điểm tổ chức kinh doanh của đơn vị mình công ty áp dụng:

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng Bộ Tài chính
- Niên độ kế toán : bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng : đồng Việt Nam.

Chứng từ kế toán sử dụng :

- Hợp đồng mua bán hàng hoá
- Phiếu nhập kho – Mẫu 01 VT
- Phiếu xuất kho – Mẫu 02 – VT
- Hoá đơn giá trị gia tăng(Mẫu số: 01GTKT-3LL).

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ - Ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.->

II : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Kế toán vốn bằng tiền của công ty Cổ Phần Việt Xô bao gồm tiền mặt ,tiền gửi Ngân Hàng

2.1.Kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty

- Tiền mặt phản ánh tình hình thu , chi , tồn quỹ tại công ty . Kế toán tiền mặt mở sổ quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mỗi thời điểm

2.1.1.Chứng từ kế toán sử dụng:

- + Phiếu thu
- + Phiếu chi
- + Các chứng từ khác có liên quan

* Quy trình luân chuyển phiếu thu: khi có người nộp tiền, kế toán viết phiếu thu, kí tên rồi chuyển cho thủ quỹ, Thủ quỹ kiểm tra số tiền, thu tiền và ghi rõ ngày tháng năm và số tiền đã nhận rồi kí vào ô thủ quỹ.Tiếp đó đưa cho người nộp tiền kí

Phiếu thu được lập thành 3 liên: + Liên 1: giữ lại cuống

+ Liên 2: đưa cho người nộp tiền

+ Liên 3: Đưa cho phòng kế toán để ghi

vào sổ sách kế toán

* Quy trình luân chuyển phiếu chi:Khi có lệnh chi tiền,kế toán viết phiếu chi rồi chuyển cho kế toán trưởng kí duyệt, giám đốc kí duyệt rồi đóng dấu. Sau đó giao cho thủ quỹ xuất tiền và kí vào ô thủ quỹ.Người nhận tiền ghi số tiền thực nhận rồi kí vào ô người nhận. Lưu ý các liên của phiếu chi đều phải được kí sổ

Phiếu chi được lập thành 3 liên: + Liên 1: Lưu chứng từ

+ Liên 2: Thủ quỹ

+ Liên 3: Giữ tại cuống phiếu

2.1.2. Tài khoản sử dụng

TK 111: tiền mặt

Các TK khác có liên quan

Kết cấu của tài khoản 111

Bên nợ:

+ Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ, nhập kho.

+ Số thừa quỹ phát hiện khi kiểm kê

+ Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng sau khi điều chỉnh

Bên có:

+ Các khoản tiền mặt ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn quỹ.

+ Số thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

+ Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm sau khi điều chỉnh

Dư nợ:

Các khoản tiền, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn quỹ.

Tài khoản 111 gồm 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1111 “ Tiền Việt Nam” phản ánh tình hình thu, chi, thừa thiếu tồn quỹ tiền Việt Nam, ngân phiếu tại doanh nghiệp

- Tài khoản 1112 “ Tiền ngoại tệ” phản ánh tình hình thu, chi, thừa thiếu tồn quỹ tiền Việt Nam, ngân phiếu tại doanh nghiệp quy đổi ra đồng Việt Nam

- Tài khoản 1113 “vàng, bạc, kim khí quý, đá quý” phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, thừa, thiếu, tồn quỹ theo giá mua thực tế.

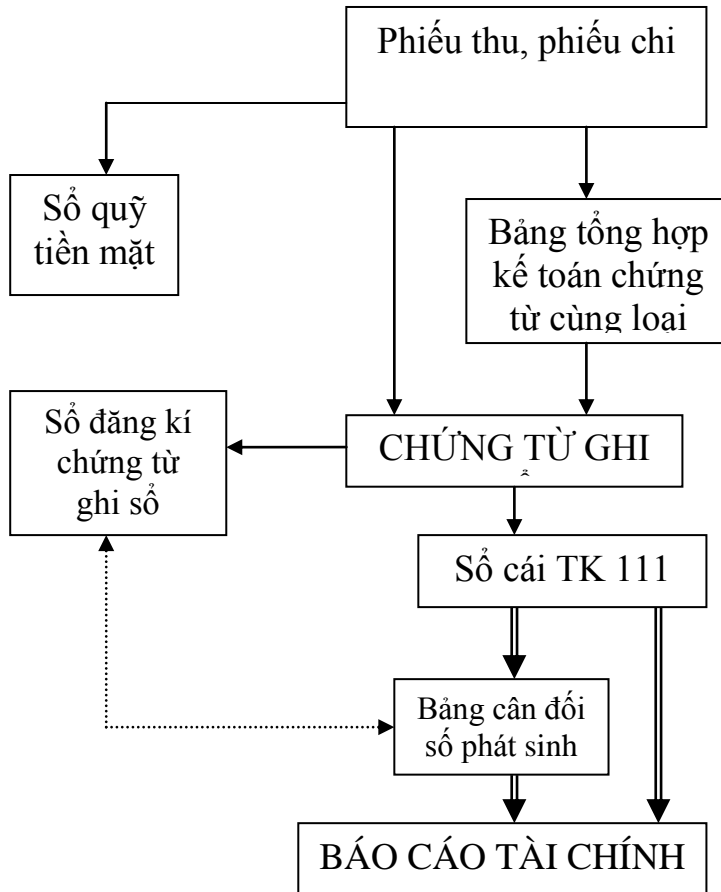
Cơ sở để ghi nợ TK 111 là các phiếu thu còn cơ sở để ghi có TK 111 là các phiếu chi.

2.1.3. Sơ đồ hạch toán tổng hợp tiền mặt tại công ty

Hàng ngày khi có nghiệp vụ liên quan đến tiền, kế toán nhập số liệu bằng tay hoặc bằng máy tính. Sau đó các hoá đơn chứng từ liên quan đến vốn bằng tiền sẽ

xuất hiện như phiếu thu, phiếu chi ... Kế toán sẽ tự động ghi bằng tay hoặc bằng máy tính vào sổ quỹ tiền mặt, sổ cái các TK 111...

Quy trình hạch toán vốn bằng tiền của công ty Cổ Phần Việt Xô



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <-.->

Hàng ngày từ các phiếu thu, phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ quỹ tiền mặt, bảng tổng hợp kế toán chứng từ cùng loại, chứng từ ghi sổ và từ chứng từ ghi sổ vào sổ cái tài khoản. Cuối tháng từ sổ cái tài khoản

vào bảng cân đối số phát sinh rồi từ số cái tài khoản kết hợp với bảng cân đối số phát sinh vào báo cáo tài chính

2.1.3.1 Kế toán tăng tiền mặt

Ví dụ 1: Ngày 4 tháng 10 năm 2010 Nguyễn Anh Tuấn nộp tiền thuê kho tháng 10/2010

Nợ TK 1111 : 1.260.000
Có TK 511 : 1.145.455
Có TK 333 : 114.545

Ví dụ 2: Ngày 6 tháng 10 năm 2010 thu tiền bán hàng của doanh nghiệp x số tiền là: 510.000

Nợ TK 1111: 510.000
Có TK 131: 510.000

Ví dụ 3: Ngày 8 tháng 10 năm 2010 rút tiền gửi ở ngân hàng công thương về nhập quỹ tiền mặt số tiền là : 20.000.000

Nợ TK 1111: 20.000.000
Có TK 112; 20.000.000

Ví dụ 4: Vay ngắn hạn ngân hàng công thương về nhập số quỹ tiền mặt 19.000.000

Nợ TK 1111: 19.000.000
Có TK 311: 19.000.000

NGHIỆP VỤ 1

Mẫu số: 01-TT

Công ty CP Việt Xô

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng - HP

BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của

ĐT: 0313842246

Bộ trưởng BTC)

Fax: 0313842246

PHIẾU THU

Quyển số 10

Ngày 4 tháng 10 năm 2010

Số hiệu: 40

Nợ TK 1111

Có TK 511

Có TK 333

Họ và tên người nhận tiền:

Nguyễn Anh Tuấn

Địa chỉ:

27- Bạch Đằng- Hải Phòng

Lí do thu:

Nộp tiền thuê kho tháng 12/2010

Số tiền: 1.260.000
sáu mươi nghìn đồng chẵn

viết bằng chữ: Một triệu hai trăm

Kèm theo 3 chứng từ gốc

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập Người nhận Thủ quỹ

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn

NGHIỆP VỤ II

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT-3LL
QT/2009B
0095389

Ngày 6 tháng 10 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty CP Việt Xô

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng – HP

Số tài khoản:

ĐT: 0313842246

Họ tên người bán hàng:

Tên đơn vị: Doanh nghiệp X

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	$3 = 1 \times 2$
1	Bán rau	Kg	30	15,454	463.636
Cộng tiền hàng					463.636
Thuế xuất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					46.364
Tổng cộng tiền thanh toán					510.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm, trăm mười nghìn đồng					

Công ty CP Việt Xô

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng - HP (ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

ĐT: 0313842246

BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của

Fax: 0313842246

Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Quyển số 10

Ngày 6 tháng 10 năm 2010

Số hiệu: 50

Nợ TK 1111

Có TK 131

Họ và tên người nhận tiền:

Doanh nghiệp X

Địa chỉ:

160 Phan Đăng Lưu – Kiến An – HP

Lí do thu:

Bán hàng

Số tiền: 510.000

viết bằng chữ: Năm trăm mười

nghìn đồng chẵn

Kèm theo 3 chứng từ gốc

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập

Người nhận

Thủ quỹ

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn

NGHIỆP VỤ III

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

Mã GDV: BATCH

Mã KH:12345

Số GD: 01

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 08/10/2010

Kính gửi: **Công ty cổ phần Việt Xô**

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số Tk ghi Có: 123456

Số tiền bằng số: 20.000.000

Số tiền bằng chữ: Hai mươi triệu đồng chẵn

Nội dung: Rút tiền về nhập quỹ

SỔ PHỤ

Số :30

Ngày 08/10/2010

Tài khoản: 123456

Công ty Cổ phần Việt Xô

DIỄN GIẢI	GHI NỢ	GHI CÓ
Số dư đầu ngày		50.000.000
Rút tiền nhập quỹ	20.000.000	
Cộng số phát sinh ngày	20.000.000	0
Số dư cuối ngày		30.000.000
SỔ PHỤ		KIỂM SOÁT

Công ty CP Việt Xô

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng - HP (ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

ĐT: 0313842246

BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của

Fax: 0313842246

Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Quyển số 10

Ngày 8 tháng 10 năm 2010

Số hiệu: 60

Nợ TK 1111

Có TK 112

Họ và tên người nhận tiền:

NGUYỄN THỊ NHUNG

Địa chỉ:

Công ty cổ phần Việt Xô

Lí do thu:

Rút tiền về nhập quỹ

Số tiền: 20.000.000

viết bằng chữ: Hai mươi triệu

đồng chẵn

Kèm theo 3 chứng từ gốc

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập Người nhận Thủ quỹ

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn

NGHIỆP VỤ IV

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

Mã GDV: BATCH

Mã KH:12345

Số GD: 01

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 15/10/2010

Kính gửi: **Công ty cổ phần Việt Xô**

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số Tk ghi Có123456

Số tiền bằng số: 19.000.000

Số tiền bằng chữ: Mười chín triệu đồng chẵn

Nội dung: Vay ngắn hạn về nhập quỹ

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

SỔ PHỤ

Số :33

Ngày 15/10/2010

Tài khoản: 123456

Công ty Cổ phần Việt Xô

DIỄN GIẢI		GHI NỢ	GHI CÓ
	Số dư đầu ngày		45.000.000
Vay ngắn hạn về nhập quỹ		19.000.000	
	Cộng số phát sinh ngày	19.000.000	0
SỔ PHỤ	Số dư cuối ngày		26.000.000

KIỂM SOÁT

Công ty CP Việt Xô

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng - HP (ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

ĐT: 0313842246

BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của

Fax: 0313842246

Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Quyển số 10

Ngày 15 tháng 10 năm 2010

Số hiệu: 70

Nợ TK 1111

Có TK 311

Họ và tên người nhận tiền:

NGUYỄN THỊ THƯƠNG

Địa chỉ:

Công ty cổ phần Việt Xô

Lí do thu:

Vay ngắn hạn về nhập quỹ

Số tiền: 19.000.000

viết bằng chữ: Mười chín triệu

đồng chẵn

Kèm theo 3 chứng từ gốc

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập Người nhận Thủ quỹ

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn

Công ty CP Việt Xô

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng – HP

BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của

Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tháng 10 năm 2010

TK 1111 tiền mặt

Ngày tháng	Số chứng từ		Diễn giải	Số hiệu	Số tiền		
	PT	PC			Thu	Chi	Tồn quỹ
			Dư nợ đầu tháng				8.395.749
		
4/10/2010	40		Thu tiền thuê kho	511	1.145.455		
				333	114.545		9.655.749
6/10/2010	50		Thu tiền bán hàng DN X	131	510.000		10.165.749
8/10/2010	60		Rút tiền NHCT nhập quỹ tiền mặt	112	20.000.000		30.165.749
15/10/2010	70		Vay ngắn hạn NHCT nhập quỹ tiền mặt	311	19.000.000		49.165.749
16/10/2010		30	Chi tiền bóc rau trắng	641		454.500	48.711.249
20/10/2010		45	Nộp tiền mặt vào NHCT	112		10.000.000	38.711.249
25/10/2010		65	Trả tiền vay vốn ngắn hạn NHCT	311		15.000.000	23.711.249
		
			Cộng SPS		83.789.000	90.580.900	
			Số dư cuối tháng				1.318.108

Công ty CP Việt Xô

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng – HP

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của

Bộ trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số:..01/10....

Ngày 31.tháng 10.năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Nguyễn Anh Tuấn nộp tiền thuê kho T10/2010	111	511	1.145.455	
	111	333	114.545	
Thu tiền bán hàng DN X	111	131	510.000	
Rút tiền NHCT nhập quỹ tiền mặt	111	112	20.000.000	
Vay ngắn hạn NHCT nhập quỹ tiền mặt	111	311	19.000.000	
....	
Cộng			83.789.000	

Công ty CP Việt Xô

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng – HP

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của

Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 111

T10/2010

Tên tài khoản: Tiền mặt

Số hiệu: ...111...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kì		8.395.749	
			Số phát sinh trong kì			
31/10	40	04/10	Nguyễn Anh Tuấn nộp tiền thuê kho	511 333	1.145.455 114.545	
31/10	59	06/10	Thu tiền bán hàng DN X	131	510.000	
31/10	60	08/10	Rút tiền NHCT nhập quỹ tiền mặt	112	20.000.00	
31/10	70	15/10	Vay ngắn hạn NHCT nhập quỹ tiền mặt	311	19.000.000	
31/10	30	16/10	Chi tiền bốc rau thặng	641		454.500
31/10	45	20/10	Nộp tiền mặt vào NHCT	112		10.000.000
31/10	65	25/10	Trả tiền vay ngắn hạn NHCT	311		15.000.000
		
			Cộng số ps		83.789.000	90.580.900
			Số dư cuối kì		1.603.849	

2.1.3.2 Kế toán giảm tiền mặt

Ví dụ 1 Ngày 16 tháng 10 năm 2010 chi tiền Phạm Văn Tuyển bốc rau thẳng

Nợ TK 641 : 454.500

Có TK 1111 :454.500

Ví dụ 2: Ngày 20 tháng 10 năm 2010 nộp tiền mặt vào NH Công Thương số tiền là 10.000.000

Nợ TK 112 :10.000.000

Có TK 1111 :10.000.000

Ví dụ 3: Ngày 25 tháng 10 năm 2010 trả tiền vay ngắn hạn nộp vào NH Công Thương số tiền là:15.000.000

Nợ TK 311 :15.000.000

Có TK 1111 :15.000.000

NGHIỆP VỤ I

Công ty CP Việt Xô

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng - HP (ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

ĐT: 0313842246

BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của

Fax: 0313842246

Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số 10

Ngày 16 tháng 10 năm 2010

Số hiệu: 30

Nợ TK 641

Có TK 111

Họ và tên người nhận tiền:

PHẠM VĂN CHUYÊN

Địa chỉ:

Px Agar

Lí do thu:

Chi tiền bốc rau thẳng

Số tiền: 454.500

viết bằng chữ: Bốn trăm năm mươi

tư nghìn năm trăm chẵn

Kèm theo 3 chứng từ gốc.

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập

Người nhận

Thủ quỹ

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn

NGHIỆP VỤ II

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

Mã GDV: BATCH

Mã KH:12345

Số GD: 01

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 20/10/2010

Kính gửi: **Công ty cổ phần Việt Xô**

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số Tk ghi Nợ :123456

Số tiền bằng số: 10.000.000

Số tiền bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn

Nội dung: Nộp tiền vào tài khoản

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

SỔ PHỤ

Số :40

Ngày 20/10/2010

Tài khoản: 071876

Công ty Cổ phần Việt Xô

DIỄN GIẢI

GHI NỢ

GHI CÓ

Số dư đầu ngày

15.000.000

Nộp tiền mặt vào
tài khoản NH

10.000.000

Cộng số phát sinh ngày

10.000.000

Số dư cuối ngày

25.000.000

SỔ PHỤ

KIỂM SOÁT

Công ty CP Việt Xô

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng - HP (ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

ĐT: 0313842246

BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của

Fax: 0313842246

Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số 10

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Số hiệu: 45

Nợ TK 112

Có TK 1111

Họ và tên người nhận tiền:

NGUYỄN VĂN QUÂN

Địa chỉ:

Phòng kế toán

Lí do thu:

Nộp tiền vào NH Công Thương

Số tiền: 10.000.000

viết bằng chữ: Mười triệu đồng

chẵn

Kèm theo 3 chứng từ gốc

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập

Người nhận

Thủ quỹ

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng

chẵn

NGHIỆP VỤ III

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

Mã GDV: BATCH

Mã KH:12345

Số GD: 01

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25/10/2010

Kính gửi: **Công ty cổ phần Việt Xô**

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số Tk ghi Nợ : 123456

Số tiền bằng số: 15.000.000

Số tiền bằng chữ: Mười năm triệu đồng chẵn

Nội dung: Trả tiền vay vốn ngắn hạn NH

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

SỔ PHỤ

Số :43

Ngày 25/10/2010

Tài khoản: 388499

Công ty Cổ phần Việt Xô

DIỄN GIẢI	GHI NỢ	GHI CÓ
	Số dư đầu ngày	30.000.000
Trả tiền vay ngắn hạn NH		15.000.000
	Cộng số phát sinh ngày	15.000.000
	Số dư cuối ngày	45.000.000
SỔ PHỤ		
		KIỂM SOÁT

Công ty CP Việt Xô

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng - HP (ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

ĐT: 0313842246

BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của

Fax: 0313842246

Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số 10

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

Số hiệu: 65

Nợ TK 311

Có TK 1111

Họ và tên người nhận tiền:

LÊ NHÂN TAM

Địa chỉ:

Phòng kế toán

Lí do thu:

Trả tiền vay ngắn hạn NH

Số tiền: 15.000.000

viết bằng chữ: Mười năm triệu

đồng chẵn

Kèm theo 3 chứng từ gốc

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập Người nhận Thủ quỹ

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn

Báo cáo thực tập - Trường ĐHDL Hải Phòng

Công ty CP Việt Xô

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng – HP

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của

Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tháng 10 năm 2010

TK 1111 tiền mặt

Ngày tháng	Số chứng từ		Diễn giải	Số hiệu	Số tiền		
	PT	PC			Thu	Chi	Tồn quỹ
			Dư nợ đầu tháng				8.395.749
		
4/10/2010	40		Thu tiền thuê kho	511	1.145.455		
				333	114.545		9.655.749
6/10/2010	50		Thu tiền bán hàng DN X	131	510.000		10.165.749
8/10/2010	60		Rút tiền NHCT nhập quỹ tiền mặt	112	20.000.000		30.165.749
15/10/2010	70		Vay ngắn hạn NHCT nhập quỹ tiền mặt	311	19.000.000		49.165.749
16/10/2010		30	Chi tiền bốc rau trắng	641		454.500	48.711.249
20/10/2010		45	Nộp tiền mặt vào NHCT	112		10.000.000	38.711.249
25/10/2010		65	Trả tiền vay vốn ngắn hạn NHCT	311		15.000.000	23.711.249
		
			Cộng SPS		83.789.000	90.580.900	
			Số dư cuối tháng				1.318.108

Công ty CP Việt Xô

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng – HP

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của

Bộ trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số:..01/10....

Ngày 31.tháng 10.năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Chi tiền bóc rau thẳng	641	1111	454.500	
Nộp tiền mặt vào NH Công Thương	112	1111	10.000.000	
Trả tiền vay vốn ngắn hạn vào NH Công Thương	311	1111	15.000.000	
.....	
Cộng			90.580.900	

Công ty CP Việt Xô

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng – HP

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của

Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 111

T10/2010

Tên tài khoản: Tiền mặt

Số hiệu: ...111...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kì		8.395.749	
			Số phát sinh trong kì			
31/10	40	04/10	Nguyễn Anh Tuấn nộp tiền thuê kho	511 333	1.145.455 114.545	
31/10	50	06/10	Thu tiền bán hàng DN X	131	510.000	
31/10	60	08/10	Rút tiền NHCT nhập quỹ tiền mặt	112	20.000.00	
31/10	70	15/10	Vay ngắn hạn NHCT nhập quỹ tiền mặt	311	19.000.000	
31/10	30	16/10	Chi tiền bóc rau trắng	641		454.500
31/10	45	20/10	Nộp tiền mặt vào NHCT	112		10.000.000
31/10	65	25/10	Trả tiền vay ngắn hạn NHCT	311		15.000.000
		
			Cộng số ps		83.789.000	90.580.900
			Số dư cuối kì		1.603.849	

2.1.4 Đối chiếu, kiểm tra và điều chỉnh các nghiệp vụ phát sinh tiền mặt tại quỹ

- Việc quản lý tiền mặt tại két bạc càng tốt thì càng hạn chế được sự mất mát thiếu hụt, chênh lệch với sổ sách. Song, cho dù thủ quỹ có cẩn thận đến thế nào chăng nữa thì việc thừa hay thiếu tiền mặt vẫn có thể xảy ra.

- Khi nhận hoặc chi tiền, thông thường số lượng tiền phát sinh rất nhiều, thủ quỹ không kiểm soát được một cách chặt chẽ số lượng tiền mà mình đã nhận hoặc đã chi trên: không đếm hết được hoặc không kiểm soát được số nghiệp vụ phát sinh do có sự chênh lệch rất ít qua mỗi nghiệp vụ mà số phát sinh lại qua nhiều

- Do ngưỡng nguyên về mặt kỹ thuật như máy điểm tiền, có thể bị trục trặc hoặc không phân biệt được những tờ tiền cùng chủng loại.

- Do kế toán chi tiết vốn bằng tiền không phản ánh hết tất cả các nghiệp vụ phát sinh trong ngày, hoặc cũng bị nhầm lẫn khi số liệu phản ánh một nghiệp vụ phát sinh nào đó mà chưa phát hiện được kịp thời

Chính vì vậy việc kiểm tra đối chiếu số tiền thực tế còn tồn quỹ và trên sổ sách giữa hai bên nhân viên kế toán và thủ quỹ là hết sức cần thiết. Có như vậy mới có khả năng phát hiện kịp thời những chênh lệch sai sót có thể xảy ra

Khi xảy ra tình trạng chênh lệch, nhân viên kế toán phải kiểm tra lại số phát sinh của từng nghiệp vụ trên sổ sách của mình trong kì, sau đó hai bên đối chiếu nhau để đi đến một sự thống nhất. Khi đó tùy vào sự sai lệch ở khu nào, của ai thì người đó có trách nhiệm điều chỉnh lại trên sổ sách của mình. Nếu sai sót thuộc về thủ quỹ thì thủ quỹ phải điều chỉnh lại số liệu trên sổ quỹ cho đúng với thực tế. Nếu sai sót thuộc về nhân viên kế toán thì nhân viên đó phải điều chỉnh lại số liệu trên sổ kế toán chi tiết, nhật ký chứng từ ghi sổ tương ứng để máy điều chỉnh lại số liệu trên các sổ kế toán mà máy đã tự động trích ra. Nếu có các chứng từ sổ sách mà nhân viên kế toán đã chuyển đi nơi khác thì tiến hành lập biên bản, lập chứng từ ghi sổ mới để điều chỉnh lại số cũ.

- Trường hợp hai bên sổ sách cũng không thống nhất số liệu với nhau nhưng vẫn chênh lệch với số tiền thực tế còn tồn quỹ thì kiến kê, thì hai bên lập biên bản với số chênh lệch đó và nhân viên kế toán sẽ có trách nhiệm phản ánh số chênh lệch đó vào sổ kế toán.

Nếu chênh lệch thực tế tăng so với sổ sách, kế toán ghi :

Nợ TK 1111:

Có TK 3381: Số tiền chênh lệch

Nếu chênh lệch thực tế giảm so với sổ sách kế toán ghi:

Nợ TK 1381: Số tiền chênh lệch

Có TK 1111:

Sau đó trình lên cấp trên để tìm ra nguyên nhân và biện pháp giải quyết . Trường hợp sổ sách của kế toán và thủ quỹ đã thống nhất với nhau về số liệu cùng với thực tế còn tồn ở két bạc, để đảm bảo kế toán và thủ quỹ cần xem xét lại các nghiệp vụ phát sinh trong kì để có thể tìm thấy những sai sót chênh lệch đáng tiếc. Khi phát hiện những chênh lệch giữa sổ sách phản ánh và thực tế phát sinh mà trên sổ sách và thực tế tồn quỹ đồng nhất, kế toán điều chỉnh lại các nghiệp vụ đã ghi sổ đồng thời phản ánh số chênh lệch đó như trên (tùy vào từng trường hợp cụ thể).

2.2 Kế toán tiền gửi Ngân Hàng tại công ty Cổ Phần Việt Xô

Tiền gửi Ngân Hàng phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng , giảm các khoản tiền gửi Ngân Hàng của công ty. Khi nhận được chứng từ của Ngân Hàng gửi đến , kế toán phải kiểm tra, đối chiếu, xác minh và xử lí kịp thời. Nếu đúng rồi thì kế toán cứ vào chứng từ gốc để nhập số liệu vào máy tính

2.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng

+ Ủy nhiệm chi

+ Ủy nhiệm thu

+Sec tiền mặt và sec chuyển khoản

Các chứng từ khác có liên quan

*Quy trình luân chuyển uỷ nhiệm chi: Khi có yêu cầu trả nợ tiền qua Ngân Hàng, kế toán lập uỷ nhiệm, kí tên rồi chuyển cho chủ tài khoản kí duyệt, duyệt xong kế toán mang uỷ nhiệm chi lên Ngân Hàng để làm thủ tục chuyển tiền.

Uỷ nhiệm chi được lập làm 2 liên: + Liên 1: Ngân Hàng giữ

+ Liên 2: Đưa cho phòng kế toán để ghi

sổ sách kế toán

+Liên 3:Ngân hàng đơn vị được nhận

tiền gửi

*Quy trình luân chuyển uỷ nhiệm thu: công ty không sử dụng

2.2.2 Tài khoản sử dụng

TK 112: Tiền gửi Ngân Hàng

Các TK khác có liên quan

Kết cấu tài khoản tiền gửi ngân hàng

Bên Nợ : Các khoản tiền gửi vào ngân hàng

Bên Có : Các khoản tiền rút ra từ ngân hàng

Dư Nợ Số tiền gửi tại ngân hàng

Tài khoản 112 có 3 tài khoản cấp hai:

+ Tài khoản 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh khoản tiền Việt Nam đang gửi tại ngân hàng

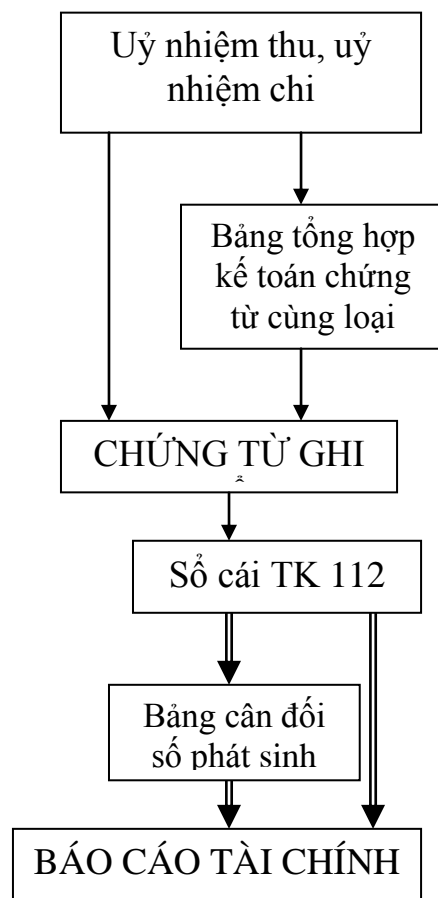
+ Tài khoản 1122 - Ngoại tệ: Phản ánh khoản ngoại tệ đang gửi tại ngân hàng đã quy đổi ra đồng Việt Nam

+ Tài khoản 1123 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý đang gửi tại ngân hàng

2.2.3 Sơ đồ luân chuyển tiền gửi Ngân Hàng

Hàng ngày khi có nghiệp vụ liên quan đến tiền, kế toán nhập số liệu bằng tay hoặc bằng máy tính. Sau đó các hoá đơn chứng từ liên quan đến vốn bằng tiền sẽ xuất hiện như giấy báo nợ, giấy báo có, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu... Sử dụng phần mềm bán tự động vừa tay va máy tính để kế toán sẽ vào số tiền gửi Ngân Hàng, số cái TK 112

Quy trình hạch toán tiền gửi Ngân Hàng tại công ty Cổ Phần Việt Xô



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <->

Hàng ngày căn cứ vào ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào bảng tổng hợp kế toán chứng từ cùng loại và chứng từ ghi sổ, rồi từ đó ghi thẳng vào sổ cái TK. Cuối tháng căn cứ vào ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu và sổ cái TK 112, tổng hợp số liệu vào bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính

2.2.3.1 Kế toán tăng tiền gửi

Một số nghiệp vụ tăng tiền gửi của NH trong tháng 10 năm 2010

Ngày 20 tháng 10 nộp tiền vào tài khoản Ngân Hàng Công Thương số tiền là :10.000.000

Nợ TK 1121: 10.000.000

Có TK 1111: 10.000.000

Ngày 27 tháng 10 Công ty Hải Long trả tiền hàng bằng tiền gửi Ngân Hàng số tiền là: 50.000.000

Nợ TK 1121: 50.000.000

Có TK 131: 50.000.000

NGHIỆP VỤ I

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

Mã GDV: BATCH

Mã KH:12345

Số GD: 01

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 20/10/2010

Kính gửi: **Công ty cổ phần Việt Xô**

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số Tk ghi Nợ : 123456

Số tiền bằng số: 10.000.000

Số tiền bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn

Nội dung: Nộp tiền vào tài khoản NH

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

SỔ PHỤ

Số :40

Ngày 20/10/2010

Tài khoản: 123456

Công ty Cổ phần Việt Xô

DIỄN GIẢI

GHI NỢ

GHI CÓ

Số dư đầu ngày

179.118.000

Nộp tiền vào tài
khoản

10.000.000

Cộng số phát sinh ngày

10.000.000

Số dư cuối ngày

189.118.000

SỔ PHỤ

KIỂM SOÁT

NGHIỆP VỤ II

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

Mã GDV: BATCH

Mã KH:12345

Số GD: 01

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 27/10/2010

Kính gửi: **Công ty cổ phần Việt Xô**

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số Tk ghi Nợ : 123456

Số tiền bằng số: 50.000.000

Số tiền bằng chữ:Năm mươi triệu đồng chẵn

Nội dung: Trả tiền hàng

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

SỔ PHỤ

Số :45

Ngày 20/10/2010

Tài khoản: 123456

Công ty Cổ phần Việt Xô

DIỄN GIẢI	GHI NỢ	GHI CÓ
	Số dư đầu ngày	200.000.000
Trả tiền hàng		50.000.000
	Cộng số phát sinh ngày	50.000.000
	Số dư cuối ngày	250.000.000

SỔ PHỤ

KIỂM SOÁT

Công ty CP Việt Xô

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng – HP

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỐ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tháng 10 năm 2010

TK 112 tiền gửi ngân hàng

Ngày tháng	Số chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		
	GỬI	RÚT			GỬI	RÚT	Tồn quỹ
			Dư nợ đầu tháng				10.673.125
		
20/10/2010	Sổ phụ 40		Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	1111	10.000.000		
27/10/2010	Sổ phụ 45		Công ty Hải Long trả tiền hàng	131	50.000.000		
08/10/2010		Sổ phụ 30	Rút tiền gửi NH nhập quỹ tiền mặt	1111		20.000.000	
12/10/2010		Sổ phụ 35	Trích tài khoản NH trả vay ngắn hạn	311		100.000.000	
....
			Cộng SPS		1.020.500.000	585.200.000	
			Số dư cuối tháng				445.973.125

Công ty CP Việt Xô

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng - HP

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của

Bộ trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số:..01/10....

Ngày 31.tháng 10.năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Nộp tiền vào tài khoản NH	1121	1111	10.000.000	
Công ty Hải Long trả tiền hàng = TGNH	1121	131	50.000.000	
.....	
Cộng			1.020.500.000	

Báo cáo thực tập - Trường ĐHDL Hải Phòng

Công ty CP Việt Xô

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng – HP

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của
Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 112

T10/2010

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: ...112...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kì		10.673.125	
			Số phát sinh trong kì			
31/10	Sổ phụ 40	20/10	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương	1111	10.000.000	
31/10	Sổ phụ 45	27/10	Công ty Hải Long trả tiền hàng	131	50.000.000	
31/10	Sổ phụ 30	08/10	Rút tiền NHCT nhập quỹ tiền mặt	1111		20.000.000
31/10	Sổ phụ 35	12/10	Trích tài khoản NH Công Thương trả tiền vay ngắn hạn	311		100.000.000
		
			Cộng số ps		1.020.500.000	585.200.000
			Số dư cuối kì		445.973.125	

2.2.3.2 Kế toán giảm tiền gửi

Một số cá nghiệp vụ giảm tiền gửi NH trong tháng 10/2010

-Ngày 8/10 rút tiền gửi Ngân Hàng Công Thương nhập quỹ tiền mặt 20.000.000

Nợ TK 1111: 20.000.000

Có TK 1121: 20.000.000

-Ngày 12/10 trích tài khoản Ngân Hàng Công Thương trả tiền vay ngắn hạn 100.000.000

Nợ TK 311:100.000.000

Có TK 1121: 100.000.000

NGHIỆP VỤ I

Mã GDV: BATCH

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

Mã KH:12345

Số GD: 01

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 08/10/2010

Kính gửi: **Công ty cổ phần Việt Xô**

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số Tk ghi Có: 123456

Số tiền bằng số: 20.000.000

Số tiền bằng chữ: Hai mươi triệu đồng chẵn

Nội dung: Rút tiền về nhập quỹ

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

SỔ PHỤ

Số :30

Ngày 08/10/2010

Tài khoản: 123456

Công ty Cổ phần Việt Xô

DIỄN GIẢI	GHI NỢ	GHI CÓ
Số dư đầu ngày		100.000.000
Rút tiền về nhập quỹ		20.000.000
Cộng số phát sinh ngày		20.000.000
Số dư cuối ngày		120.000.000
SỔ PHỤ		KIỂM SOÁT

NGHIỆP VỤ II

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

Mã GDV: BATCH

Mã KH:12345

Số GD: 01

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 12/10/2010

Kính gửi: **Công ty cổ phần Việt Xô**

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số Tk ghi Có: 123456

Số tiền bằng số: 100.000.000

Số tiền bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn

Nội dung: Trả tiền vay ngắn hạn

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

SỔ PHỤ

Số :35

Ngày 12/10/2010

Tài khoản: 123456

Công ty Cổ phần Việt Xô

DIỄN GIẢI

GHI NỢ

GHI CÓ

Số dư đầu ngày

300.000.000

Trả nợ vay ngắn hạn

100.000.000

Cộng số phát sinh ngày

100.000.000

Số dư cuối ngày

400.000.000

SỔ PHỤ

KIỂM SOÁT

Công ty CP Việt Xô

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng – HP

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của

Bộ trưởng BTC)

SỐ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tháng 10 năm 2010

TK 112 tiền gửi ngân hàng

Ngày tháng	Số chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		
	GỬI	RÚT			GỬI	RÚT	Tồn quỹ
			Dư nợ đầu tháng				10.673.125
		
20/10/2010	Sổ phụ 40		Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	1111	10.000.000		
27/10/2010	Sổ phụ 45		Công ty Hải Long trả tiền hàng	131	50.000.000		
08/10/2010		Sổ phụ 30	Rút tiền gửi NH nhập quỹ tiền mặt	1111		20.000.000	
12/10/2010		Sổ phụ 35	Trích tài khoản NH trả vay ngắn hạn	311		100.000.000	
....
			Cộng SPS		1.020.500.000	585.200.000	
			Số dư cuối tháng				445.973.125

Công ty CP Việt Xô

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng – HP

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của
Bộ trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số:..01/10....

Ngày 31.tháng 10.năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Rút tiền Ngân Hàng Công Thương nhập quỹ tiền mặt	1111	1121	20.000.000	
Trích tài khoản ngân hàng trả tiền vay ngắn hạn	311	1121	100.000.000	
.....	
Cộng			585.200.000	

Công ty CP Việt Xô Địa chỉ: Số 1 Bến Bính - Hồng Bàng – HP	Mẫu số: 01-TT (ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)
---	--

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 112

T10/2010

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu:...112...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kì		10.673.125	
			Số phát sinh trong kì			
31/10	Sổ phụ 40	20/10	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương	1111	10.000.000	
31/10	Sổ phụ 45	27/10	Công ty Hải Long trả tiền hàng	131	50.000.000	
31/10	Sổ phụ 30	08/10	Rút tiền NHCT nhập quỹ tiền mặt	1111		20.000.000
31/10	Sổ phụ 35	12/10	Trích tài khoản NH Công Thương trả tiền vay ngắn hạn	311		100.000.000
		
			Cộng số ps		1.020.500.000	585.200.000
			Số dư cuối kì		445.973.125	

2.2.4 Đối chiếu, kiểm tra các nghiệp vụ phát sinh tiền gửi Ngân Hàng

Việc kiểm tra, đối chiếu và điều chỉnh trên tài khoản TGNH nhằm đảm bảo sự thống nhất số tiền đã phát sinh và hiện còn dư tại tài khoản tiền gửi sổ sách của NH và sổ sách của nhân viên kế toán của công ty.

Thông thường mỗi khi nhập được giấy báo có của NH về nghiệp vụ phát sinh trên tài khoản tiền gửi NH của công ty, nhân viên kế toán sẽ đối chiếu các chứng từ, sổ sách của NH về số phát sinh, số dư của tài khoản. Do hai bên cùng quản lý số liệu phát sinh trên cùng một tài khoản duy nhất qua hệ thống tài khoản khác nhau nên cả hai đều cố gắng không để tình trạng chênh lệch xảy ra và thực tế ở công ty vẫn chưa xảy ra thực trạng này.

Tuy nhiên dù rất cẩn thận trong công tác hạch toán cũng như việc ghi sổ và hệ thống kiểm soát rất có hiệu quả của NH và đơn vị mở tài khoản, song khi công việc và nghiệp vụ phát sinh nhiều thì tình trạng nhầm lẫn và có thể xảy ra. Khi có sự chênh lệch, dù là nguyên nhân gì phát sinh ở khâu nào thì hai bên cũng cần có sự đối chiếu, kiểm tra sổ sách để tiến tới thống nhất về số phát sinh cũng như số dư thực tế của đơn vị, từ đó có thể kịp thời điều chỉnh sổ sách của mỗi bên, nếu chưa kịp thời tìm ra nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch đó mà quyết toán đã đến thì nhân viên kế toán phải tạm thời căn cứ theo số liệu của NH để phản ánh vào tài khoản 112, số chứng nhận sẽ được phản ánh như sau:

Nếu sổ sách của nhân viên kế toán phản ánh thừa so với sổ sách NH, kế toán ghi:

Nợ TK 1381: Số tiền chênh lệch

Có TK 112:

Nếu sổ sách kế toán ghi thiếu so với sổ sách của NH, kế toán ghi như sau:

Nợ TK 112:

Có TK 3381: Số tiền chênh lệch

Sang kì sau kế toán phải tiếp tục tìm nguyên nhân của sự chênh lệch đó và kiến nghị những biện pháp điều hoà chênh lệch giữa hai hệ thống sổ sách với cấp trên.

**CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN
THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG
TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ**

**I. NHẬN XÉT CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỆT XÔ**

1. Ưu điểm.

Từ khi thành lập đến nay công ty Cổ Phần Việt Xô luôn phải đối đầu với hàng loạt những khó khăn thử thách, đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị, tổ chức kinh tế khác, nhưng công ty Cổ Phần Việt Xô đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong tổ chức bộ máy quản lí nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

Là một doanh nghiệp hạch toán độc lập với quy mô kinh doanh vừa, công ty đã phải tìm cho mình một bộ máy quản lí, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Song bên cạnh những yếu tố trên, tinh thần đoàn kết cũng đóng vai trò quan trọng trên bước đường tự khẳng định mình. Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên. Công tác quản lí và hạch toán kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

Hiện nay công ty Cổ Phần Việt Xô sử dụng hệ thống tài khoản kế toán thống nhất, đồng thời áp dụng hình thức ghi sổ kế toán :”chứng từ ghi sổ”. Bộ máy kế toán công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, mỗi kế toán viên đều được phân công công việc rõ ràng. Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao, thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, biết vận dụng khéo léo và nhịp nhàng giữa lí thuyết và thực tế tại công ty, biết áp dụng những phương thức hạch toán phù hợp với thực tế phát sinh đồng thời có thể giảm được khối lượng công việc ghi chép để đạt được hiệu quả cao. Mỗi nhân viên kế toán đều sử dụng được máy vi tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng.

Như đã phân tích ở phần trước, trong công tác hạch toán kế toán tại công ty thì hạch toán vốn bằng tiền là một khâu vô cùng quan trọng. Nhờ nhận thức rõ điều này công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như tổ chức quản lý và sử dụng vốn bằng tiền.

Việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két được bảo đảm tính an toàn cao. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật hàng ngày nên thông tin kinh tế mang tính cập nhật và chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hoá tới mức tối đa, cho phép ghi chép kịp thời một cách tổng hợp những hiện tượng kinh tế có liên quan đến tình trạng biến động của vốn bằng tiền.

Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định. Sự chi tiết đó đã cho phép ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể và chi tiết của vốn bằng tiền, từ đó có thể ra các quyết định một cách chính xác và hợp lý.

Sổ sách kế toán được lập và ghi chép rõ ràng và rành mạch. Việc lưu trữ thông tin và lập sổ sách đã được thực hiện trên máy tính và chỉ in ra với sự lựa chọn đối với sổ sách cần thiết phục vụ cho sản xuất kinh doanh, quản lý. Nên doanh nghiệp đã trực tiếp giảm được một phần chi phí, đồng thời giảm được một phần số lượng các chứng từ và sổ lưu trữ ở kho.

Trên đây là một số những nhận xét về ưu điểm của công ty Cổ Phần Việt Xô nói chung và phòng kế toán nói riêng trong việc tìm ra con đường kinh doanh có hiệu quả nhất.

2. Nhược điểm

Công ty chưa thường xuyên tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt để xác định số tiền tồn quỹ thực tế và số thừa so với quỹ. Trên cơ sở đó tìm ra nguyên nhân của sự chênh lệch và thất thoát tiền, đưa ra những biện pháp quản lý quỹ tốt hơn và có hiệu quả cao hơn

Do công ty đang trong thời kỳ xây dựng cơ sở vật chất mới, do vậy công ty chỉ giữ lại các công nhân ở bộ phận chủ chốt và bộ phận quản lý còn các công nhân chưa có kinh nghiệm thì cho nghỉ tạm thời nên bảng phân bổ tiền lương và

các khoản trích theo lương theo tỉ lệ quy định chưa được ổn định và còn nhiều thiếu sót

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là một báo cáo tài chính phản ánh các khoản thu và chi tiền của doanh nghiệp trong kỳ theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Thông qua nó chủ doanh nghiệp có thể dự đoán được lượng tiền mang lại từ các hoạt động trong tương lai. Nhà quản lí cũng có thể thấy được khả năng thanh toán trong kỳ hoạt động tới... Vì sự quan trọng đó mà hầu hết các doanh nghiệp đều lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, nhưng cho đến nay công ty vẫn chưa sử dụng vai trò của báo cáo này phục vụ lợi ích của công ty mà chỉ nhằm để đối phó với chi cục thuế.

II. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Ý kiến 1. Về quản lí quỹ tiền mặt và tiền ngoại tệ:

- Công ty cần phải tiến hành việc kiểm kê quỹ định kì vào ngày cuối hàng tháng, hàng quý và cuối năm hoặc khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Việc kiểm kê quỹ cần thực hiện theo mẫu số 08a-TT, 08b-TT (ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC) Cho từng loại tiền trong quỹ của doanh nghiệp để biết số tiền thực tế có trong quỹ và số tiền ghi trên sổ tại thời điểm kiểm kê.

Việc kiểm kê quỹ cho từng loại tiền trong quỹ có ưu điểm: giúp cho các nhà quản lí nắm bắt được số tiền quỹ thực tế, số tiền thừa, thiếu so với số quỹ để có biện pháp tăng cường quản lí quỹ tốt hơn.

Đơn vị:.....

Mẫu số:11-LĐTL

Bộ phận;.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ
(Dùng cho VND)

Hôm nay, vào ...giờ...ngày...tháng...năm...

Chúng tôi gồm:

Số:.....

-Ông /Bà:..... Đại diện kế toán

-Ông/Bà:..... Đại diện thủ quỹ

-Ông/Bà:..... Đại diện.....

STT	Diễn giải	Số lượng(tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	x
II	Số kiểm kê thực tế	x
1	Trong đó: -Loại		
2	-Loại		
3	-Loại		
4	-Loại		
5		
III	Chênh lệch(II-I)	x

-Lý do:

+Thừa:.....

+Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

Kế toán trưởng Thủ quỹ Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

-Hiện nay công ty không ngừng đẩy mạnh mối quan hệ với các tổ chức trong nước mà còn cả với các tổ chức quốc tế.Do đó yêu cầu thanh toán bằng ngoại tệ rất quan trọng.

-Trong khi đó công ty chỉ có tài khoản 112.2-“Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ” dùng để phản ánh tình hình tăng giảm ngoại tệ của đơn vị tại ngân hàng mà không đăng kí sử dụng tài khoản111.2-“Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ” Điều này đã gây nên không ít những khó khăn.Gia sử khi khách hàng đến thanh toán bằng ngoại tệ thì đơn vị không thể nhập quỹ mà phải cho người đi đổi lấy đồng Việt Nam hoặc đem gửi vào tài khoản ngân hàng bằng ngoại tệ tại ngân hàng. Đây là một sự lãng phí thời gian và nhân công một cách vô lí.

Vì vậy theo em doanh nghiệp nên đăng kí sử dụng thêm tài khoản 111.2-“Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ” để phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh được thuận lợi hơn,sổ sách của tài khoản 1112 được sử dụng bao gồm:Sổ quỹ tiền mặt TK 1112,Chứng từ ghi sổ TK 1112 và Sổ cái TK 1112.Và được hạch toán vào TK 413 khoản chênh lệch tỉ giá đồng ngoại tệ so với đồng nội tệ.

Ý kiến 2.Do đơn vị chưa có một định mức tiền mặt tồn quỹ cụ thể cũng như một số kế hoạch thanh toán tiền công nợ thống nhất nên dẫn đến tình trạng tiền mặt tại quỹ của đơn vị không ổn định,có lúc quá ít có lúc quá nhiều. Điều này dễ gây nên những khó khăn cho công ty trong việc chi tiêu tiền mặt phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh hoặc gây ứ đọng quá nhiều tiền làm vòng quay của vốn bị chậm lại. Để khắc phục nhược điểm này,theo em công ty nên xây dựng một định mức tiền mặt tại quỹ cụ thể trong từng kì hạch toán căn cứ vào kế hoạch thu chi tiền mặt trong kì. Định mức này có thể xê dịch trong kì hạch toán,nhưng không được phép tăng quá cao hoặc quá thấp gây tình trạng bất ổn trong quỹ tiền mặt của doanh nghiệp,bên cạnh đó công ty cũng cần lập kế hoạch thu hồi và thanh toán các khoản công nợ sao cho số tiền sẽ phải trả nợ cũng như sẽ thu hồi nợ cân đối nhau đảm bảo được nhu cầu thu ,chi của công ty.

Ý kiến 3.Thanh toán lương,thanh toán làm thêm,làm thêm giờ,...,trích bảo hiểm xã hội ,bảo hiểm y tế,kinh phí công đoàn chiếm tỉ lệ rất lớn trong tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp.Do vậy công ty cần lập “Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội”(Mẫu số 11-LĐTL ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC) để tiện cho việc lập kế hoạch thanh toán tiền mặt hàng tháng và sử dụng để ghi vào Sổ quỹ tiền mặt,Chứng từ ghi sổ và Sổ cái tài khoản tùy theo hình thức kế toán áp dụng của doanh nghiệp(như Sổ cái hoặc Nhật ký -Sổ cái TK 334,338....)đồng thời được sử dụng để tính giá thành thực tế của sản phẩm dịch vụ hoàn thành.

Mẫu số :11-LĐTL

Đơn vị:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

Bộ phận:.....

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng ...năm...

STT		TK 334-Phải trả người lao động			TK 338-Phải trả ,phải nộp khác				TK 335- Chi phí phải trả	Tổng cộng
		Lương	Các khoản khác	Cộng có TK 334	KP CĐ	BHXH	BHYT	Cộng có TK 338		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	TK 662-Chi phí nhân công trực tiếp									
2	TK 623- Chi phí sử dụng máy thi công									
3	TK 627-Chi phí sản xuất chung									
4	TK 641-Chi phí bán hàng									
5	TK642-Chi phí quản lí doanh nghiệp									
6	TK 142-Chi phí trả trước ngắn hạn									
7	TK 242-Chi phí trả trước dài hạn									
8	TK 335-Chi phí phải trả									
									
	Cộng									

Ý kiến 4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là một báo cáo tài chính phản ánh các khoản thu và chi tiền của doanh nghiệp trong kỳ theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Thông qua đó chủ doanh nghiệp có thể dự đoán được lượng tiền mang lại từ các hoạt động trong tương lai. Nhà quản lý cũng có thể thấy trước được khả năng thanh toán trong kỳ hoạt động tới... Vì sự quan trọng đó mà công ty cần tiến hành lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ nhằm giúp cho lãnh đạo công ty có các quyết định sử dụng vốn bằng tiền một cách chính xác.

Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

- Có 2 phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

+ Phương pháp trực tiếp

+ Phương pháp gián tiếp

Hai phương pháp chỉ khác nhau cách lập hoạt động kinh doanh còn hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính thì giống nhau, tức là sử dụng phương pháp trực tiếp.

- Phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ mà công ty áp dụng đó là phương pháp trực tiếp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tháng 10	Tháng 9
I.Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		4,004,100,473	3,471,179,363
2.Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá,dịch vụ	2		(3,404,652,463)	(2,912,563,373)
3.Tiền chi trả cho người lao động	3		(384,698,482)	(380,716,688)
4.Tiền chi trả lãi vay	4		(234,789,641)	206,841.196)
5.Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5			
6.Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh	6			
7.Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7			
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20,040,113	-28,941,894
II.Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm,xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		415,814,008	416,479,964
2.Tiền thu từ thanh lí nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		(506,014,139)	(512,733,280)
4.Tiền thu hồi cho vay,bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.Tiền thu lãi cho vay,cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30		-90,200,113	-96,253,316
III.Lưu chuyển từ hoạt				

Báo cáo thực tập - Trường ĐHDL Hải Phòng

động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ,nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả choc ac chủ sở hữu ,mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn,dài hạn nhận được	33		10,856,853,010	8,737,263,133
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10,716,853,010)	(8,590,379,948)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức và lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển từ hoạt động tài chính	40		140,000,000	146,883,185
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		29,759,756	21,687,975
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu tư	60		122,840,005	101,152,030
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kì	70		152,599,761	122,840,005

Hải phòng ,ngày 05 tháng 1 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Do số liệu không đầy đủ nên em chỉ phân tích được các chỉ tiêu sau đây:

Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

-Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của tháng 10 tăng 8,901.781 đồng so với tháng 9,tương ứng với tỉ lệ tăng là 44,42%.Cho thấy hoạt động kinh doanh trong tháng 10 của công ty có phần khởi sắc hơn tháng 9.Và việc tăng đó là do các chỉ tiêu sau tác động đến:

+Tiền thu từ bán hàng ,cung cấp dịch vụ và doanh thu khác;

Tiền thu từ bán hàng cung cấp dịch vụ và doanh thu khác của công ty trong tháng 10 đạt 4.004.100.473 đồng, tăng 532.921.110 đồng ,tương ứng với tỉ lệ tăng 13.31% so với tháng 9.Cho thấy trong tháng 10 công ty đã mở rộng thị trường xuất khẩu ra các nước Châu Á, Âu đồng thời đẩy mạnh công tác quảng

cáo ,quảng bá sản phẩm .Từ đó dẫn đến công ty có nhiều hợp đồng hơn.Mặt khác,việc tăng đó cũng là do công ty thu được các khoản nợ do khách hàng chiếm dụng của công ty từ kì trước

+Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ:

Trong tháng 10 công ty đã đẩy mạnh việc quảng cáo các sản phẩm nên chi phí trong tháng 10 đã tăng hơn so với tháng 9.Cụ thể là tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ trong tháng 10 là 3.404.652.463 đồng ,tăng 492.098.090 đồng ,tương ứng với tỉ lệ tăng 14,455 so với tháng 9.Ngoài ra việc tăng đó cũng là trong tháng 10 công ty đã thanh toán các khoản nợ (tiền mua nguyên vật liệu ,tiền điện,tiền nước ,tiền điện thoại...) mà công ty đã chiếm dụng của các công ty khác.

Như vậy khả năng thanh toán của công ty trong tháng 10 là rất tốt,nhưng công ty cần khẩn trương thu đòi các khoản nợ mà khách hàng chiếm dụng của công ty ở các kì trước, để dùng đồng vốn này để đầu tư vào các lĩnh vực có chỉ số sinh lời cao hơn .

+Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư

Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư trong tháng 10 của công ty có phần giảm sút so với tháng 9.Nguyên nhân lưu chuyển tiền hoạt động đầu tư trong tháng lại giảm hơn so với tháng 9 do ảnh hưởng của các chỉ tiêu sau:

+Tiền chi để mua sắm,xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác

Trong tháng 10 công ty đã chi để mua sắm ,xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác với số tiền là 415.814.008 đồng,giảm 665.956 đồng,tương ứng với tỉ lệ giảm 0.165 so với tháng 9.Do trong tháng 10 doanh nghiệp đã mở rộng thị trường xuất khẩu ra các nước Châu Á, Âu làm cho công ty có được nhiều hợp đồng hơn và vì thế doanh nghiệp đã phải mua thêm một số máy móc thiết bị từ tháng 9 để đẩy mạnh sản xuất

+Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác

Trong tháng 10 công ty đã thanh lý nhượng bán một số tài sản với tổng giá trị thu được là 506.014.139 đồng nhưng số tiền thu được từ thanh lý nhượng bán lại thấp hơn 6.719.141 đồng, tương ứng với tỉ lệ giảm 1.33% so với tháng 9 Nguyên nhân là do công ty vừa thanh lý, nhượng bán một số TSCĐ trong tháng 9 xong.

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:

Lưu chuyển từ hoạt động tài chính của công ty trong tháng 10 nhìn chung có phần giảm sút so với tháng 9. Cụ thể là do ảnh hưởng của các chỉ tiêu sau:

+Tiền vay ngắn hạn dài hạn nhận được trong tháng 10 tăng 2.119.589.877 đồng, tương ứng tỉ lệ tăng 19.52% so với tháng 9. Do trong tháng công ty đẩy mạnh công tác sản xuất nên cần vay thêm một số máy móc thiết bị và chi trả tiền mua nguyên vật liệu.

+Đồng thời trong tháng 10 tiền chi trả nợ gốc vay cũng tăng 2.126.473.062 đồng, tương ứng với tỉ lệ tăng 19,84% so với tháng 9. Mặc dù trong tháng doanh nghiệp đã vay nhiều hơn tháng 9 nhưng doanh nghiệp cũng đã chi trả các khoản vay khá tốt, do trong tháng công ty có thêm nhiều hợp đồng và đã làm tốt hơn công tác thu đòi nợ, chứng tỏ khả năng thanh toán nợ của công ty là tương đối tốt

Lưu chuyển tiền thuần trong kì (tháng 10) là: 29.759.756 đồng, tăng 8.071.781 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 27,12% so với tháng 9. Cho thấy tháng 10 công ty đã phát huy được sự lưu chuyển vốn của đồng tiền và đã làm cho đồng vốn lúc sau cao hơn lúc trước. Đó là một dấu hiệu tốt cho công ty, cho thấy công ty đang trên đà phát triển.

Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ (tháng 10) là: 122.840.005 đồng, tăng 21.687.975 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 17,66% so với tháng 9

Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (tháng 10) là : 152.599.761 đồng, tăng 29.759.756 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 19,5% so với tháng 9

Cho thấy công ty đang rất nỗ lực để làm cho đồng vốn ngày một tăng lên và luôn có ý định “đồng vốn lúc sau cao hơn lúc trước”, cho thấy công ty luôn phấn đấu để làm sao một đồng vốn bỏ ra phải thu lại ít nhất một đồng vốn ban đầu.

Nhận xét:

- Qua so sánh phân tích số liệu của bảng lưu chuyển tiền tệ qua hai tháng 9 và tháng 10 ta thấy vòng luân chuyển vốn của công ty là tương đối lớn và tháng 10 có su hướng cao hơn tháng 9, cho thấy công ty hoạt động có hiệu quả.

- Công ty đã phát huy được hiệu quả sử dụng vốn lưu động, nhưng nguồn vốn lưu động mất khả năng tài trợ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, do đó công ty phải vay nợ của các tổ chức tín dụng. Mặt khác công ty lại để cho một số đại lý, của hàng chiếm dụng một khoản vốn tương đối lớn làm ảnh hưởng xấu đến hiệu quả sử dụng vốn của công ty. Cho thấy việc phân bổ vốn của công ty chưa hoàn thiện, công ty cần phải có biện pháp làm giảm các khoản nợ phải thu, nợ phải trả tránh tình trạng chiếm dụng vốn, ứ đọng vốn làm giảm hiệu quả sử dụng vốn của công ty

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập, kết hợp với nghiên cứu lý luận và thực tiễn, em nhận thấy vốn bằng tiền có vị trí rất quan trọng để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu đối với mọi doanh nghiệp cũng như các nhà quản lý. Công tác kế toán vốn bằng tiền vì vậy vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tế cao.

Để kế toán phát huy được vai trò trong quản lý thông qua việc phản ánh một cách chặt chẽ, toàn vẹn tài sản tiền vốn của công ty ở mọi khâu của quá trình tái sản xuất, công tác hạch toán kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng cần được kiện toàn, nhất là trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Việt Xô em đã phần nào nắm bắt được thực trạng công tác tổ chức hệ thống kế toán trong một doanh nghiệp và những công việc cần phải làm đối với một phần hành kế toán. Điều đó giúp em hiểu sâu hơn về lý luận, so sánh được sự giống nhau giữa lý luận và thực tiễn nhằm bổ sung những kiến thức đã được học trong nhà trường.

Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, hơn nữa thời gian thực tập tại công ty có hạn nên trong quá trình nghiên cứu và trình bày bài viết này không tránh khỏi sai sót và hạn chế. Em rất mong có được sự đóng góp và giúp đỡ của các thầy cô cùng các cán bộ phòng kế toán của Công ty cổ phần Việt Xô.

Em cũng xin được gửi lời cảm ơn tới các thầy cô giáo, Ban giám đốc, các anh chị nhân viên trong công ty đã hết lòng tạo điều kiện cho em thu thập tài liệu để hoàn thành bản khóa luận này./.

Sinh viên

Vũ Ngọc Thịnh

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ	3
KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP	3
I. Tổng quan về vốn bằng tiền:	3
1.1 Khái niệm về kế toán vốn bằng tiền:	3
1.2 Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền:.....	3
1.3 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:	3
1.4 Vai trò của công tác kế toán vốn bằng tiền:	4
1.5 Nguyên tắc hạch toán kế toán vốn bằng tiền:.....	4
II. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền	5
2.1 Kế toán tiền mặt	5
2.1.1. Quy định kế toán tiền mặt.....	5
2.1.2 Kế toán tiền mặt tồn quỹ	6
2.1.3 Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng	6
2.1.4 Tài khoản sử dụng.	9
2.1.5. Phương pháp hạch toán tiền mặt.....	10
2.1.5.1. Kế toán tiền mặt tồn quỹ là tiền Việt Nam.	10
2.1.5.2. Kế toán tiền mặt tồn quỹ là ngoại tệ.....	11
2.1.5.3. Kế toán tiền mặt tồn quỹ là vàng, bạc, đá quý.	16
2.1.5.4. Sơ đồ hạch toán tổng hợp tiền mặt.....	17
2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng.	18
2.2.1. Quy định về kế toán tiền gửi ngân hàng	18
2.2.2. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền gửi ngân hàng.....	19
2.2.3. Tài khoản sử dụng để hạch toán tiền gửi ngân hàng.....	19
2.2.4. Trình tự hạch toán tiền gửi ngân hàng.	19
2.2.4.1. Kế toán tiền gửi ngân hàng là đồng Việt Nam	19
2.2.4.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ.....	20
2.2.4.3. Sơ đồ kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng	21
2.3. Kế toán tiền đang chuyển	22
2.3.1. Chứng từ sử dụng.....	22
2.3.2. Tài khoản chung.....	22
2.3.3. Trình tự hạch toán	23
2.3.4. Sơ đồ kế toán tổng hợp tiền đang chuyển	24
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN MẶT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ	25
I. Đặc điểm tình hình chung về công ty Cổ Phần Việt Xô	25
1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Việt Xô	25
1.1-Tên công ty- trụ sở	25
1.2-Trụ sở :	25
2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty Cổ phần Việt Xô.....	26
3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ phần Việt Xô.	26

2.Phòng kế toán - tổ chức lao động - tiền lương.....	27
3.Phòng kế hoạch - nghiệp vụ - thị trường.....	27
4.Tổ dịch vụ điện nước.....	28
5.Phân xưởng Aga, phân xưởng chế biến rau củ quả.....	28
4.Quy trình sản xuất sản phẩm chính của công ty cổ phần Việt Xô.....	28
5.Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán tại công ty cổ phần Việt Xô.....	30
1. Kế toán trưởng:.....	30
2.Kế toán lương và thanh toán.....	30
3.Kế toán tính giá thành tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh:.....	31
4.Thủ quỹ:.....	31
5. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Việt Xô.....	31
II : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ.....	33
2.1.Kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty.....	33
2.1.1.Chứng từ kế toán sử dụng:.....	33
2.1.2.Tài khoản sử dụng.....	34
2.1.3. Sơ đồ hạch toán tổng hợp tiền mặt tại công ty.....	34
2.1.3.1 Kế toán tăng tiền mặt.....	36
2.1.3.2 Kế toán giảm tiền mặt.....	49
2.1.4 Đối chiếu,kiểm tra và điều chỉnh các nghiệp vụ phát sinh tiền mặt tại quỹ.....	60
2.2 Kế toán tiền gửi Ngân Hàng tại công ty Cổ Phần Việt Xô.....	61
2.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng.....	61
2.2.2 Tài khoản sử dụng.....	62
2.2.3 Sơ đồ luân chuyển tiền gửi Ngân Hàng.....	63
2.2.3.1 Kế toán tăng tiền gửi.....	64
2.2.3.2 Kế toán giảm tiền gửi.....	72
2.2.4 Đối chiếu, kiểm tra các nghiệp vụ phát sinh tiền gửi Ngân Hàng.....	80
CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ.....	81
I.NHẬN XÉT CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ.....	81
II.MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ.....	83